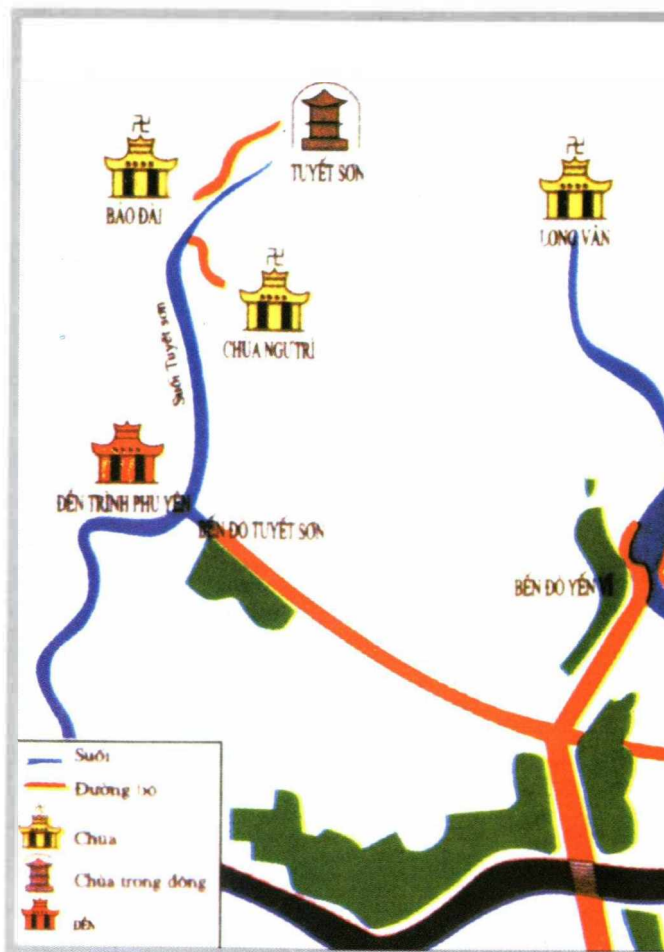


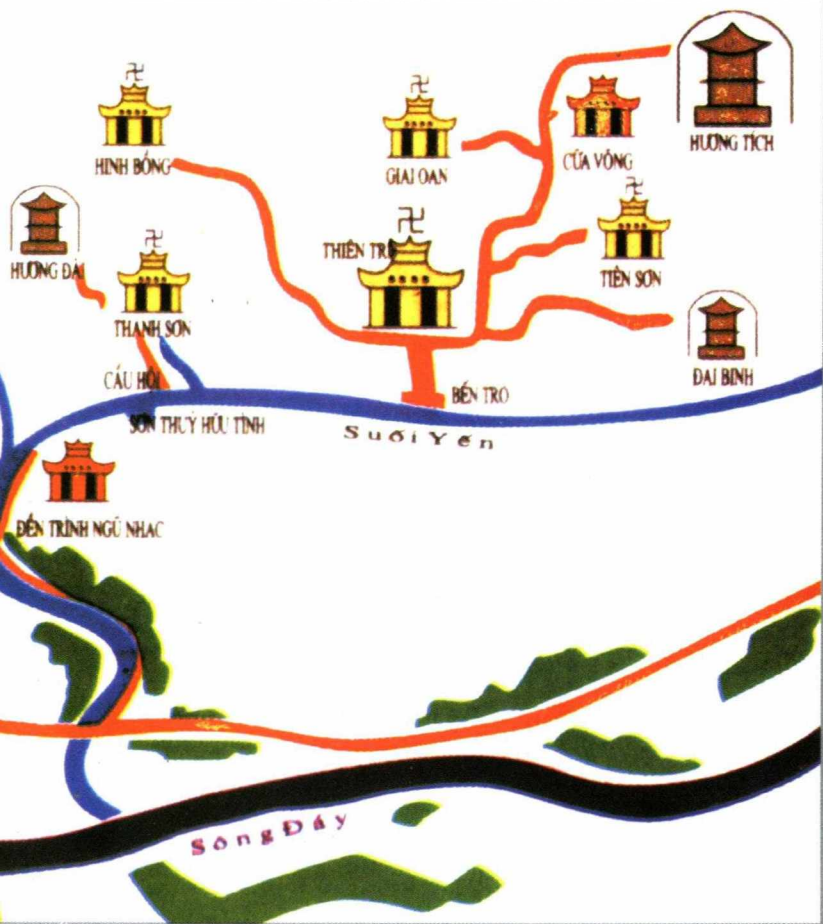
DI TÍCH LỊCH SỬ CHÙA HƯƠNG



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN



Sơ đồ thẳng cảnh chùa Hương



DI TÍCH LỊCH SỬ
CHÙA HƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN

Lời giới thiệu

Di tích thắng cảnh Hương Sơn (Chùa Hương) là một khu Di tích lịch sử văn hoá nổi tiếng của Việt Nam, đã được Nhà nước xếp hạng đặc biệt.

Di tích Chùa Hương bao gồm 18 Chùa - Đền và hang động có vẻ đẹp kỳ diệu và mang đậm nét văn hoá Phật giáo Việt Nam. Quả là nơi “*Bầu trời cảnh bụt*” đã được lưu truyền khắp nơi danh hiệu: “**Nam thiên đệ nhất động**” (*động đẹp nhất trời Nam*).

Mỗi độ xuân về, hàng triệu khách thập phương tập nập về đây trải hội lễ Phật, cũng như hàng vạn du khách đến văn cảnh Hương Sơn.

Để giúp du khách trải hội và tham quan tìm hiểu về Di tích lịch sử Chùa Hương qua các thời kỳ xây dựng và phát triển, Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin xin giới thiệu cuốn sách nhỏ “**Di tích lịch sử Chùa Hương**”. Cuốn sách được biên soạn từ nhiều tác giả: nhà văn, nhà thơ, nhiếp ảnh... đã miêu tả những nét đặc sắc về non nước, suối rừng, hang động và hệ thống Đền Chùa trong khu Di tích lịch sử văn hoá Hương Sơn.

NXB Văn hoá - Thông tin



LỄ HỘI CHÙA HƯƠNG

Hương Sơn là một bầu trời cảnh Bụt, với một dải nước non cảnh tú được thiên nhiên ưu đãi, đã thu hút khách thập phương về đây chiêm bái và tham quan du lịch hàng năm.

Hội Chùa Hương hàng năm vẫn được tổ chức vào ngày mồng 6 tháng Giêng và kéo dài mãi đến cuối tháng Ba âm lịch.

Theo truyền thuyết, thì ở vùng “Linh sơn phúc địa” này vào đầu thế kỷ đầu tiên đã có Công chúa Diệu Thiện - tục gọi là bà Chúa Ba, ứng thân của Bồ tát Quán Thế Âm đã đến đây tu hành và đắc đạo. Phật sử kể lại: Ngài giáng sinh vào ngày 19 tháng Hai âm lịch. Do đó, Phật tử Việt Nam đều kỷ niệm ngày đó là ngày Khánh đản. Người phát hiện ra khu Phật tích này đầu tiên là ba vị Hoà thượng thời vua

✿ Lê Thánh Tông thế kỷ XVI, nhưng đến niên hiệu Chính Hoà năm thứ 7 (1687) khi Hoà thượng Trần Đạo Viên Quang về đây tái thiết Thiên Trù mới vận động nhân dân và Phật tử tổ chức lễ Khánh đản Phật bà Quan Âm vào ngày 19 tháng Hai âm lịch hàng năm. Đến thời Đại sư Thông Lâm tổ chức mở Hội vào hai ngày 18-19 tháng Hai âm lịch.

Làng Yến Vĩ là làng sở tại hàng năm vào ngày mồng 6 Tết thường làm lễ mở cửa rừng gọi là “Tế khai sơn” tại đền Ngũ Nhạc. Nhưng ông cha ta ngày xưa thường có quan niệm “mùa xuân là mùa dạo chơi non nước”, nên các tao nhân mặc khách thường bơi thuyền chống gậy thăm cảnh từ tháng Giêng cho tới cuối tháng Ba âm lịch.

Đến năm Bính Thân niên hiệu Thành Thái năm thứ 8 (1896) mới chính thức mở Hội lớn vào cả tháng Hai âm lịch. Rồi từ đó trong cảnh non xanh nước biếc “Tiểu sơn lâm mà có đại kỳ quan” này số lượng khách đi trải Hội cứ mỗi năm một tăng.

Ngày nay, trong mỗi dịp mở Hội đã có hàng vạn khách thập phương về đây trải Hội. Người chưa đi thì mong mỗi sẽ đi, người đi rồi vẫn muốn tiếp tục đi nữa vì say mê “Hương trời sắc núi, cảnh Bụt bầu tiên”. Thật không phải ngẫu nhiên mà thi nhân đã nói về Hội Chùa Hương:

*“Hương Tích ơi tôi sẽ còn đến nữa,
Như hoa mơ lại đến với mùa mơ...”*

(Yến Lan)



SƠ LƯỢC VỀ KHU DI TÍCH HƯƠNG - THIÊN

“Bầu trời, cảnh bụt

Thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay!

Kìa non non, nước nước, mây mây

“Đệ nhất động” hỏi là đây có phải?

Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái

Lững lơ khe Yến cá nghe kinh

Thoảng bên tai một tiếng chày kinh ⁽¹⁾

Khách tang hải giật mình trong giấc mộng!

(1) Chày kinh: Cái chày đánh chuông làm theo hình con cá kinh Hương Tích nghĩa là dấu thơm, tương truyền rằng: Đức Nam Hải Quân Thế Âm Bồ Tát trước ngày tu hành rồi thành đạo tại đây.

Này Suối Giải Oan, này Chùa Cửa Vông
Này Am Phật tích, này động Tuyết Kinh
Nhác trông lên, ai khéo vẽ hình
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt
Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt
Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây
Chừng giang sơn còn đợi ai đây
Hay tạo hoá khéo ra tay xếp đặt
Lần hạt tràng, niệm: Nam-vô Phật
Cửa từ bi công đức biết là bao
Càng trông phong cảnh càng yêu.”

(Chu Mạnh Trinh)

Động Hương Tích còn gọi là động Hương Sơn, ở địa phận huyện Mỹ Đức tỉnh Hà Tây, tuyến tiếp giáp với tỉnh Hà Nam. Có thể đến đây bằng hai lối đường thủy đi từ cuối tỉnh Hà Nam, ngược theo dòng sông Đáy qua thị xã Phủ Lý ước khoảng hơn một ngày thuyền thì tới bến Đức, hoặc đi từ Hà Nội qua TP Hà Đông, vào thị trấn Vân Đình, tới dốc Thanh Bồ thì rẽ vào bến Đức. Hoặc qua đầu đê rẽ phải đến cuối thị trấn Tế Tiêu rẽ trái theo đường trục bên mương Phù Đông qua cầu Hội Xá rồi tới làng Yển Vĩ, ở đây có con suối trong chảy từ trong rừng sâu qua núi Hương Tích đổ về:

... Đường vào Hương Tích lượn quanh,
Nước non gấm dệt, màu xanh phủ màn.

*Người niệm Phật, khách tham quan,
Suối thanh tịch rửa nhẹ nhàng trần duyên...*

Bến dò suối, tại đây có những chiếc thuyền ván, ngày thường nhân dân địa phương dùng để vào rừng kiếm củi. Nhưng tới mùa Xuân, khi khách thập phương về thăm Hội chùa Hương thì những chiếc thuyền đó lại là phương tiện để đưa đón khách.

Đường suối hai bên núi non rải rác chạy dài, dòng suối trong xanh, thuyền lướt quanh co, đáy nước như một tấm gương pha lê rộng phẳng. Theo dòng suối biết bao cảnh đẹp, thoát tiên ghé tới một ngôi đền, đền này được xây dựng ở cạnh sườn một trái núi có năm ngọn, nên được gọi là đền Ngũ Nhạc (*còn gọi là Đền Trình*). Từ xưa khách thập phương thăm Hội chùa Hương, ai qua đây cũng vào để trình lễ với Sơn Thần.

Rời đền Trình, dò len qua giữa hai dãy núi để tới cửa hang có 4 chữ Hán “Sơn thủy hữu tình”, là dấu tích bút đề của Tĩnh Vương Trịnh Sâm.

Trên một chiếc cầu ván chênh vênh, một vài bóng người kiu kịt trên vai những gánh mơ vàng hay những làn rau sắng đặc sản của chùa Hương, và có những chiếc thuyền chở các thứ lâm sản khác từ rừng núi đưa về xóm làng.

Xa xa, núi non còn vẽ ra những hình thù kỳ lạ, núi Con Voi, núi Con Gà, núi Mâm Xôi, núi Chiêng, núi Trống vv... mà người xưa đã đặt tên. Cụ Thám hoa Vũ Phạm Hàm đã có câu:

Kìa núi Gà, núi Tượng, núi Chông, núi Chiêng;

Chưa qua núi lại thấy đò bên cạnh núi.

Thuyền thuận dòng dừng đỉnh tiến về phía rừng sâu, chóc lát đã tới bến suối dẫn lên chùa.

Chùa Thiên Trù còn gọi là chùa Trò, ngày trước là một khu rừng núi âm u tĩnh mịch. Tương truyền vua Lê Thánh Tông (1460-1496) đi tuần du phương Nam đã từng ghé thăm nơi đây. Đến đời hậu Lê, niên hiệu Chính Hoà năm thứ 7 (1686), Hoà thượng Vân Thủy Thiên Thiên Trần Đạo Viên Quang Chân nhân chống gậy tích qua đây, thấy sơn thủy thanh nhã, u tịch mới dựng nên một thảo am để tu thiền.

Nhưng ngày nay “cao chót vót mấy toà cổ sái...” đâu còn nữa! Bởi trong thời gian kháng chiến chống Pháp (1947), quân giặc đã tràn qua đây và đã tàn phá, đến năm 1950 chúng lại thả bom phá trụi cả ngôi chùa cổ kính và nhà cửa xung quanh.

Phía bên hữu chùa là một vườn tháp, nhiều toà được xây dựng từ lâu đời có cất giữ xá lý của các vị Tổ sư quy tịch tại đây.

Sau chùa bên sườn núi còn có một toà “Thiên thủy tháp”, ở về phía bên tả có một chiếc hồ hình song bán nguyệt.

Ở đây, từ ngày hoà bình lập lại (1954), được sự quan tâm của Chính phủ và lòng tin ngưỡng của khách thập phương nên đã xây dựng lại được ngôi chính điện và một số nhà để thờ cúng và nhà ở của chư tăng, là nơi Cố hoà thượng Thích Thanh Chân đã trụ trì.

Năm 1958, chùa Hương đã vinh dự đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm. Đến năm 1961 và 1971, Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng về văn cảnh.

Chiều tà vầng dương đã gác ngàn tây, khách thập phương trên đường đi nhọc mệt thường nghỉ lại chùa để tăng sức khoẻ cho ngày mai trèo núi, leo rừng tiến vào chùa Trong.

Sáng hôm sau, từ chùa Ngoài rẽ phía tay phải có một con đường đá nhỏ men theo sườn núi, đó là lối đi vào chùa Trong.

Con đường dẫn ta qua nhiều chùa, hang động. Chùa Tiên Sơn được dựng trên ngọn núi cao. Chùa nhỏ xinh, cổng tam quan vút như sắp bay lên... Trong động có những nhũ đá rủ xuống, khi gõ vào thì nổi lên những tiếng tiêu tiêu nhã nhạc du dương, thơ Tĩnh Vương có ghi lại:

... Chở mây oanh quát lồng hương Phật,

Gõ đá vang lừng trỗi nhạc Tiên...

Vẫn lối vào chùa Trong, rẽ bên trái là chùa Giải Oan. Động này do tổ sư thứ hai động Hương Sơn, hiệu là Thông Dụng tìm ra và mở mang, chùa Giải Oan ở bên cạnh giếng Long Tuyền. Gần đây có Am Phật Tích, có động Tuyết Kinh, lối đi vào còn qua đền Cửa Vông ở núi Chấn Song, và chỉ một đoạn đường ngắn nữa là vào tới chùa Trong. Bên đường những hàng mơ quả chín óng ánh vàng, những cây đại trang nghiêm cổ kính đang trở hoa thơm ngát.

Cuộc hành trình “Trẩy Hội” đã tới chùa Trong. Đây chính là động Hương Tích. Động này xưa kia không ai qua lại, đã phủ rêu xanh. Mãi đến khi Hoà thượng Vân Thủy Thiên Thiên Trần Đạo Viên Quang Chân nhân trụ trì chùa Thiên Trù mới tìm ra.

Trước cửa hang có những phiến đá lát thành từng bậc từ từ dẫn xuống khoảng độ một trăm bậc thì nhìn thấy một dòng chữ Hán “Nam thiên đệ nhất động”, đó là bút đề của Tĩnh Vương Trịnh Sâm (1737-1782).

Vào trong động, tự nhiên thấy người mát dịu, ánh sáng của động thoát nhìn thì tăm tối âm u, nhưng nhìn lâu cứ thấy sáng dần. Ngắm lên toà Tam Bảo, chính giữa có pho tượng đức Quán Thế Âm Bồ Tát là độc đáo nhất, xung quanh động có những nhũ đá óng ánh như phấn vàng, phấn bạc lần lượt nổi lên.

Phía bên hữu động có tấm bia nhỏ từ đời Lê Cảnh Hưng năm thứ 28 (1786), nội dung nói về nhân địa tu hành của đức Phật “Quán Thế Âm Bồ Tát”.

Động núi Hương Tích, truyện *Nam Hải Quán Âm bản hạnh* chép rằng: Phật Bà là con gái thứ ba của Trang Vương, ở nước Hưng Lâm, kiếp trước chị em là con trai của họ nhà Thi, vốn ăn ở hiền lành đức hậu vào bậc Bồ Tát, nhưng vì đã giúp đỡ nhằm cho quân trộm cướp đi cướp phá làng mạc, nên cả ba con trai phải đầu thai làm ba con gái của Trang Vương. Vì Trang Vương có ác tâm, nên cầu Hoàng tử không được. Nhưng bởi lòng thành, nên chỉ cho ba Công chúa giáng sinh, cứ mỗi lần sinh con gái nhà Vua lại

muôn giết đi, sau nhờ có các quan và Hoàng hậu can ngăn mới thôi. Khi khôn lớn lên, hai chị lấy chồng, nhưng gặp hai Phò mã đều ham mê chơi bời, không lo toan việc nước, nên Vua lại bắt bà Chúa Ba lấy chồng, để kén người tài giỏi nhường ngôi. Nhưng Chúa Ba nhất định xin đi tu để sau này độ cho gia đình và chúng sinh thoát khỏi tội khổ. Trang Vương không nghe, sai đốt chùa, giết tăng ni và giết cả Chúa Ba. Nhưng Thiên đình đã sai Thần núi Hương Tích hiện ra con Hồ nhảy xuống cứu Công chúa công về vùng núi Hương Sơn, lúc đầu để tu ở Am Phật Tích Giải Oan, sau đức Phật Thích Ca lại hiện thân để thử thách, thấy Công chúa lòng son dạ sắt quyết chí tu hành mới chỉ cho vào động Hương Tích tu ở đấy. Khi thành đạo biến hóa thân thông ra nghìn mắt nghìn tay, ý nói ở đâu cũng nhìn thấy và với tay tế độ được, rồi đã lại hóa thân về cứu độ cho cha, trừ nghịch cho nước. Khi cha mẹ và hai chị tìm lên tới nơi thì cũng lại đều quy y tu hành và sau đều thành đạo cả.

Phong cảnh Hương Sơn xinh đẹp, con người Hương Sơn càng tự hào noi theo truyền thống phụng đạo yêu nước của tổ tiên để bảo vệ non sông gấm vóc.

Về phụng đạo: Kể từ Thiên tổ khai sơn chùa Thiên Trù và chùa Hương Tích - Vân Thủy Thiên Thiên Trần Đạo Viên Quang Chân nhân - kế thừa đến nay đã được mười đời, các vị đều tỏ ra xứng đáng là “Động chủ Hương Sơn”, tinh nghiêm cả về mặt tu học, viên mãn cả về lục độ, tự mình sống một cuộc đời thanh đạm khổ hạnh, vui với đạo pháp.

Về hoằng pháp: Các vị Thiên tôn đã từng khai trường thuyết pháp, tiếp chúng độ người, lại cắt nghĩa các bộ kinh điển Đại thừa: *Hiển mật viên thông, Phụ giáo biên và Duy-ma-cật vv...*

Về yêu nước: Cùng với hệ thống Hương Sơn, còn có động Tuyết Sơn gọi là “*Ngọc Long Động*”, sư cụ Vương Quốc Chính trụ trì chùa này đã đứng ra vận động nhân dân hai tỉnh Sơn Tây và Hà Đông khởi nghĩa. Tổ chức này gồm các hương sư và anh em công nhân nhà đèn tham gia (*Giai cấp công nhân Việt Nam - Trần Văn Giàu, tr.42*), hồi đó thực dân Pháp gọi là “giặc Tuyết Sơn”.

Cuộc khởi nghĩa bị thất bại, sư cụ Vương Quốc Chính và nhiều vị sư khác bị giết, sư cụ Thanh Hữu bị tay sai của thực dân Pháp là tên Tri phủ Hoài An (nay là huyện Mỹ Đức) bắt, tra hỏi và đòi dút tiền. Cụ Thanh Hữu đành đặc trả lời: “Xin quan lớn cho về, tôi bán mấy ông Phật lấy tiền biểu quan lớn”. Sau cùng cụ Thanh Hữu bị tra tấn rồi chết.

Truyện *Nam Hải Quán Âm bản hạnh* cũng do sư cụ Vương Quốc Chính và một số các cụ văn thân dựa trong kinh Pháp Hoa và kinh Hoa Nghiêm sáng tác ra. Kế thừa truyền thống tốt đẹp đó, đến tháng 2 năm 1943 có các vị sư như sư ông Thanh Châu đã nhân dịp ngày Hội đứng ra rải truyền đơn và treo cờ đỏ búa liềm để tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia hoạt động cách mạng, sau cùng bị thực dân Pháp bắt tra hỏi rồi mất tích.

Tiếp đến thời kỳ kháng chiến chống Pháp, có nhiều vị sư đã “gấp cà sa khoác chiến bào” như ông Thanh Dinh, Thanh Hoan, Thanh Thực... gia nhập bộ đội, có vị đã hy sinh vì Tổ quốc.

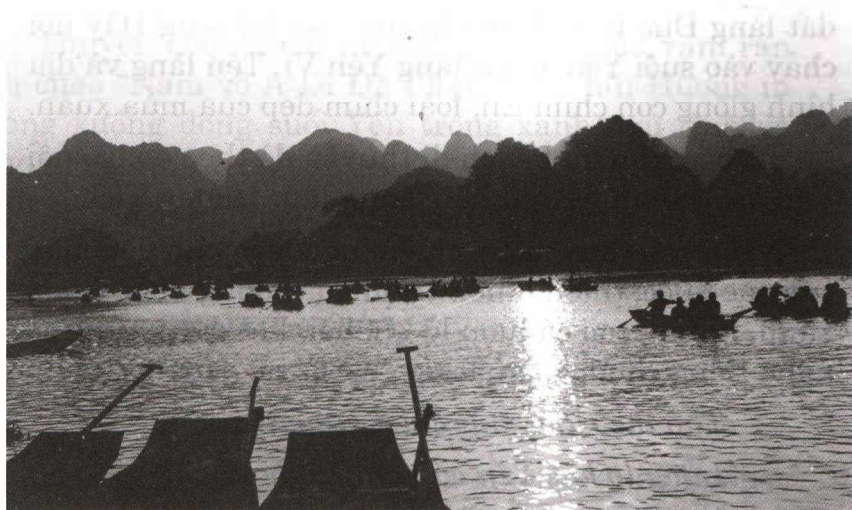
Còn nhiều vị khác làm cơ sở cách mạng từ thời kỳ tiền khởi nghĩa và trong thời kỳ kháng chiến, bảo vệ cán bộ, bộ đội được an toàn, nêu gương quý báu cho Thiên gia.

Trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, các Phật tử Hương Sơn nói riêng, cũng như các Phật tử Hà Tây nói chung vẫn tỏ ra ý nguyện thống nhất nước nhà.

Động Hương Tích với Chùa Hương là một trong những thắng cảnh nổi tiếng nhất của Việt Nam, đã được thế giới liệt vào hạng có thiên nhiên tươi đẹp. Hàng năm tới dịp ngày xuân, những dòng người nườm nượp đi trải hội chùa Hương. Trước đây cụ Vũ Phạm Hàm đã có câu:

Dục đảo Hương Sơn bất khả ước

Khen cho ai biết trước cũng là tiên.



DU THUYỀN THEO DÒNG SUỐI YẾN

*Bến Yến Vĩ lướt thoi thuyền Tam Bảo
Cho tôi đi vào xứ của thiên nhiên
Tay cô gái dong chèo trên suối Đục
Đáy bến trần hay đã đến non tiên?...*

(Băng Sơn)

Ngày xưa, khách đi dọc đò trên dòng sông Đáy (Hát Giang cổ); từ bến đò Phương Đình đi xuống, từ bến đò Phủ Lý (Hà Nam) đi lên đều đến Bến Đục là địa đầu của thắng cảnh chùa Hương. Bến này thuộc

đất làng Đục Khê, nghĩa là con suối từ sông Đáy nổi chảy vào suối Yến thuộc làng Yến Vĩ. Tên làng và địa hình giống con chim Yến, loài chim đẹp của mùa xuân.

Từ bến Yến du khách đi thuyền dò theo dòng suối Yến dài 4,6km để vào khu Tùng lâm Hương Tích.

Ngồi trên thuyền dò, chiêm ngưỡng cảnh đẹp mây trời sắc nước, thiên nhiên trầm mặc, dòng nước trong xanh, những con cá lượn lờ khi bơi, khi đứng sững sờ nghe tiếng chuông chùa:

Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái

Lững lơ khe Yến cá nghe kinh

(Chu Mạnh Trinh)

Trong cảnh đẹp có cây cầu bắc qua suối Yến thuộc địa phận làng Hội Xá, nên gọi là cầu Hội.

Thuyền qua cầu Hội, mây núi in bóng quện vào nhau lung linh đáy nước, hang Sơn thủy hữu tình, rặng cây hoa gạo đỏ rực phía sườn non. Về nên thơ ấy được nữ sĩ Hằng Phương viết:

“... Mây luôn đáy nước qua cầu

Thuyền đi tưởng núi quay đầu trông theo.”

Theo dòng suối Yến, ngắm nhìn những ngọn núi vẻ đẹp tạo hoá ra muôn hình giống như mâm Xôi, con Gà, Long, Ly, Quy, Phượng, núi Trâu, núi Dẹo, núi Đồi Chèo, núi Phòng Sư... Có 99 ngọn núi đều châu vào chùa Hương, còn 1 ngọn núi con Voi quay ra; tương truyền Đức Phật giận quá lấy gươm phạt một mảng mông.

Thuyền chở khách ra vào như mắc cửi, râm ran lời chào “Nam vô A Di Đà Phật”! Dãy núi Hương in bóng xuống dòng suối Yến trong xanh, trữ tình và thơ mộng như tranh vẽ:

...Reo rất suối đưa quanh

Ven bờ, ngọn núi xanh

Dịp cầu xa nhỏ nhỏ

Cảnh đẹp gần như tranh...

(Nguyễn Nhược Pháp)

Mùa xuân đi trải hội chùa Hương, ai cũng được đi thuyền dò một lần trên dòng suối Yến. Bến Yến và bến Trò được mở rộng, hoành tráng, mặt nước mênh mang, màu xanh thắm về phía chùa Hương.



*Giang sơn thì vẫn người quen
Đạo chơi Châu phố, xuôi miền Đức Khê
Chiêng vàng bóng gác non tê
Dừng chân ươm hởi lối về chùa Trong*
(Chu Mạnh Trinh)

Đền Đức Khê nằm ngay bên đường vào chùa Hương, đền thờ 3 vị thần:

- Ông Cao Sơn Viết Minh, vị anh hùng văn hóa thời Hùng Huy Vương thứ 6.
- Bà Ngọc Trinh là Hoàng hậu của vua Hùng Huy Vương.
- Bà Từ Thời Hoa Công chúa thời Hùng Vương.

Đền được xây dựng lớn vào thế kỷ XVII. Đặc biệt, đôi sấu đá, rồng đá và gạch hoa thị lát trước hậu cung được làm vào năm 1731. Ngày nay, đền Đức Khê được nhân dân sở tại chăm lo giữ gìn và từng bước tu bổ để đón khách vào chiêm bái.



SƠN THỦY LÂU ĐÀI

(Đền Trình - Ngũ Nhạc)

*Trời Nam xây dựng tự đời Hùng
Bóng khách càn khôn, thấm biển sông
Dòng giống nhà ai? Thần núi đỏ
Con vua Hùng cả, đủ mười ông.*

(Thơ trong Đền)

Tên tự là Ngũ Nhạc Linh Từ, nằm ở địa phận thôn Yên Vĩ, xã Hương Sơn.

Theo bia ký và thần phả còn lưu giữ được thì xưa kia ở vùng đất này được coi là cửa rừng. Có một ngôi miếu thờ Sơn Thần. Hàng năm dân làng Yên Vĩ có tục

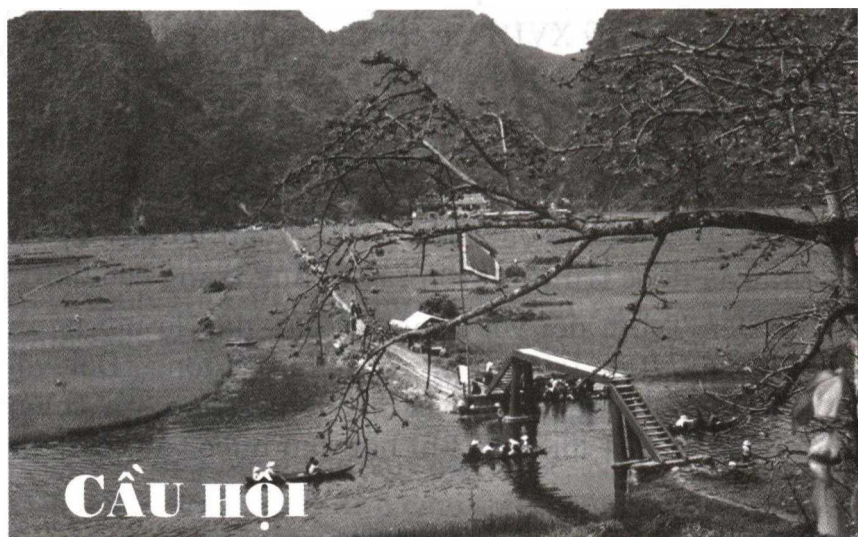
tế khai sơn (lễ mở cửa rừng) vào ngày mồng 6 tháng Giêng âm lịch đầu năm để cầu phúc cho dân, cầu an cho đất nước. Đồng thời cũng là cáo yết với Sơn Thần để bắt đầu một năm mới hương dân vào rừng làm ăn, khai thác và nuôi trồng lâm sản. Thần phả ở đền Trình - Ngũ Nhạc ghi sự tích Sơn tướng là tiền thân của một vị danh thần trung dũng “Hùng Lang” từ đời vua Hùng Huy Vương thứ 6, đã phò vua giúp nước đánh đuổi giặc Ân, góp phần làm cho đất nước thanh bình, thịnh vượng. Ông là người Yến Vĩ yêu mến cảnh vật và hương dân, nên sau khi cáo quan đã về trí sĩ ở vùng này để hưởng thú vui non nước. Nhân dân Yến Vĩ ơn sâu công đức và tình cảm thiêng liêng ấy nên đã tôn thờ ông làm phúc thần - Thành hoàng của làng để quanh năm thờ phụng tại ngôi đền này.

Theo truyền thuyết phong thủy (địa lý cổ) thì hình thế núi Ngũ Nhạc là một con Thanh Long (rồng xanh) gác cổng trời Nam. Trước cửa đền là cả một thế phong thủy bao la, cấm tú. Với sự hội tụ của 4 dòng nước thiêng. Thật là: “Sinh lại hội vượng, vượng thú nghê sinh” (nước trường sinh gặp nước đế vượng, nước đế vượng đón nước trường sinh).

Về kiến trúc, xa xưa đền Trình là một ngôi miếu nhỏ nằm ở giữa vùng non xanh nước biếc. Đến đời Lê Anh Tông niên hiệu Hồng Phúc thứ nhất (Nhâm Thân - 1572), Lễ bộ triều đình mới biên soạn thần phả cho đền và phong sắc. Rồi hàng năm khách thập phương về trải hội đã đóng góp công đức cho đền. Nhân dân địa phương xây dựng trải qua nhiều đời,

đến đầu thế kỷ XVIII thì trở thành một lâu đài nguy nga, sầm uất. Nhưng vào năm 1947 giặc Pháp đã tàn phá đền thờ trụ, chỉ còn lại mấy gian hậu cung. Sau ngày hoà bình lập lại, đền đã được nhân dân địa phương dần dần khôi phục. Hai đợt tu bổ vào những năm 1992 - 1993 và 1996 - 1997 toàn bộ nội, ngoại thất đã được trùng tu tôn tạo khang trang cao đẹp.

Đền Trình đối với khách lễ bái, đây là nơi trình với thần linh trước khi vào chùa Hương. Đối với khách tham quan đây là nơi trình diện với thiên nhiên cất một lời chào khi bắt đầu bước vào cõi đẹp.



...Mây luôn đậy nước qua cầu

Thuyền đi tưởng núi quay đầu trông theo...

(Hằng Phương)

Cầu Hội bắc qua dòng suối Yến, gần núi Thông Dâu. Theo các cụ trong làng kể lại cho con cháu: cầu Hội được xây dựng từ năm Tự Đức thứ 13 (1859). Đây là chiếc cầu hình thang thanh thoát, đẹp mắt. Nó như là một nét chấm phá trong bức tranh sơn thủy hữu tình. Bởi nó hoà nhập vào trong khung cảnh non nước, trời mây. Vào những ngày xuân, khi hoa gạo nở ôm ấp lấy dòng suối Yến càng làm cho cây cầu vốn đã đẹp càng thêm duyên dáng.

Thân cầu là mấy tấm ván gỗ được kê lên hai mỏ cầu và trụ cầu, hai bên có bậc lên. Dưới chân cầu là một khoảng trời rộng, dò ngược xuôi thoải mái đi qua.



CHÙA THIÊN TRÙ

*Tiếng chuông văng vẳng chuông vàng
Khói đầu nghi ngút mùi nhang Thiên Trù
Thuyền nan mấy mái chèo qua
Một giây thẳng tới bến chùa bước lên.*

(Chu Mạnh Trinh)

Theo một số tài liệu mới tìm thấy thì Vua Lê Thánh Tông khi đi tuần thú phương Nam lần thứ hai có qua nơi đây. Trong lúc đóng quân nghỉ lại, Vua Lê Thánh Tông đặt cho khu vực này là Thiên Trù Tĩnh và thung lũng Phụ Mã.

Sau năm đó, lần lượt có ba vị Hoà thượng (Ty Tổ Bồ Tát) chống Thuyền trượng tới đây dựng thảo am để tọa Thuyền nhập định và đặt tên là “Thiên Trù Tự”. Tiếp đến năm 1686, thời Lê Trung Hưng thứ 7 niên hiệu Chính Hào, Hoà thượng Trần Đạo Viên Quang Chân nhân đã trùng hưng lại ngôi Tam Bảo, Xiển lập tông môn Thiên Trù và tìm ra động Hương Tích.

Hai mươi năm sau, đời Đại sư Thông Lâm (1707) trụ trì tiếp tục dựng lập thảo am Thiên Trù thành 5 gian nhà lá và 6 gian tả - hữu vu trúc mộc để thờ Phật và tọa Thuyền.

Đến đời Hoà thượng Thanh Quyết kế đăng trụ trì. Được sự trợ duyên lớn của gia đình ông Hoàng Trọng Phu và sự ủng hộ của thiện tín muôn phương, chính điện Thiên Trù được khởi công xây dựng vào năm Mậu Thân niên hiệu Duy Tân thứ 2. Cuối năm đó, Đại sư Thanh Tích kế đăng trụ trì tiếp tục xây dựng tới 10 năm sau thì công quả mới viên mãn. Lúc đó Thiên Trù đã là một lầu đài tráng lệ với những kiến trúc nghệ thuật độc đáo “Biệt chiêm nhất Nam thiên”.

Thế rồi ngày 11 tháng 2 năm Đinh Hợi (1947), thực dân Pháp đã đốt phá Thiên Trù, lửa cháy suốt 15 ngày đêm. Đến năm 1948 chúng lại một lần nữa đốt phá Thiên Trù, và năm 1950 chúng cho máy bay thả bom xóa sạch những công trình kiến trúc của Thiên Trù. Năm Tân Mão (1951), Hoà thượng Thanh Chân đã dựng lên trên đồng gạch vụn tro tàn 6 gian

nhà tranh để khêu tiếp đèn Thuyền duy trì Tổ án.

Sau hòa bình lập lại (1958), Hoà thượng Thanh Chân cùng Ban tổ chức của bản thôn cùng với lòng hảo tâm công đức của Phật tử thiện tín bách gia đã xây dựng được 7 gian nhà khách phỏng cổ kang trang tạm thời làm nơi thờ Phật.

Năm Quý Hợi, Ty Văn hóa thông tin Hà Sơn Bình và nhà chùa đã tranh thủ sự ủng hộ của khách thập phương dựng một tòa gác chuông 8 mái theo kiểu chùa Ngâm (1984-1985) ở giữa sân Thiên Trù.

Ngày 4-3-1989, Ban xây dựng chùa Hương được thành lập, đứng đầu là Thượng tọa Thích Viên Thành, đã vận động Phật tử thập phương và nhân dân địa phương kết hợp với sự chỉ đạo của ngành Văn hóa đã làm lễ khởi công xây dựng Tam Bảo Thiên Trù vào ngày 11 tháng Hai năm Kỷ Tỵ (18-3-1989). Ngày 11 tháng Giêng năm Tân Mùi (1991), Tòa Tam Bảo Thiên Trù đã làm Lễ khánh thành.

Ngày 11 tháng Giêng năm Nhâm Thân (1992), khánh thành Điện Hương Thủy. Với pho tượng Mẫu Liễu Hạnh của nhà điêu khắc Trần Tuy đã được xếp vào tượng nghệ thuật dân gian.

Đến ngày 11 tháng Giêng năm Quý Dậu (1993), Tổ đường và Bảo điện phía sau Tam Bảo cũng làm lễ hoàn thành.

Cũng năm đó, động Vân Thủy Thuyền Thiên (phía trên Thiên Thủy Tháp) cũng được khai mở và khánh thành để thờ phụng “Thượng ngàn chúa tể”.

Ngày 11 tháng Giêng năm Giáp Tuất (1994), công Nam Thiên Môn đã hồi sinh mọc lên sừng sững giữa đất trời Hương Sơn ngút ngàn mây nước.

Ngày 11 tháng Giêng năm Ất Hợi (1995), Quan Âm Các được dựng nổi bật lên giữa rừng cây rậm rạp âm u. Nơi đây ngày nay đã trở thành khu ngoạn cảnh phong quang tú lệ.

Năm 2004, nhà chùa cùng khách thập phương hưng công xây dựng Bảo tháp Chân Tịnh dưới chân gác chuông chùa Thiên Trù. Trong vườn tháp, xây dựng ngọn tháp Chân Tịnh. Đây là một công trình kiến trúc lăng mộ tôn giáo độc đáo và kiên cố được xây dựng hoàn toàn bằng đá xanh để báo đáp thâm ân tôn sư của hàng pháp tử trong sơn môn cũng như của phật tử đối với cố Thượng tọa Thích Viên Thành.

Với sự quan tâm của Nhà nước, các cấp và sự ủng hộ to lớn của bà con Phật tử thiện tín chắc chắn không lâu nữa, khu chùa Thiên Trù được khôi phục lại hoàn toàn và mở mang với quy mô rộng lớn để đền đáp cũng như đáp ứng công lao khai sáng của Chư Tôn đức và nhu cầu tín ngưỡng thiết tha của nhân dân.

ĐỘNG VÂN THỦY

*Hay tạo hoá khéo ra tay xếp đặt
Lần hạt tràng, niệm: Nam vô Phật.
Cửa từ bi công đức biết là bao
Càng trông phong cảnh càng yêu...*

(Chu Mạnh Trinh)

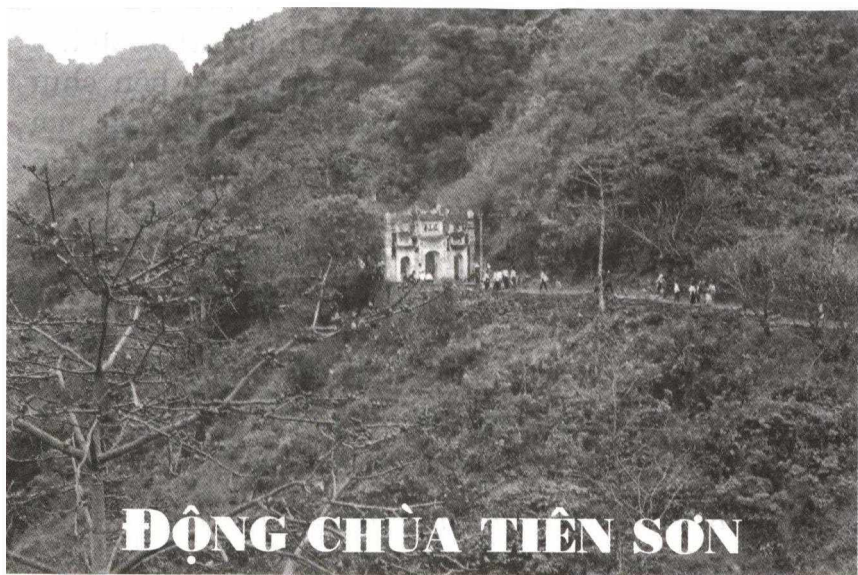
Dưới chân núi Ngự Sơn, phía sau Thiên Thủy Tháp có một tòa động nhỏ, đó là động Vân Thủy. Động thờ Bà Chúa rừng chức Thượng ngàn chúa tể, cai quản rừng núi ở Nam Giao. Bà vốn họ Nguyễn, tên húy là La Bình. Con gái của Thánh Tản và Mỹ Nương.

Truyền thuyết kể rằng: Thánh Tản Viên Sơn có hai con một trai và một gái. Con trai tên là Mai, con gái tên là La Bình. Bà La Bình xinh đẹp, hiền thực. Từ nhỏ thường ham mê phong cảnh núi rừng, làm bạn với muôn loài muông thú, cỏ cây. Bà còn dạy bảo các loài cầm thú về tình thương và không làm điều ác, thuận theo đức hiếu sinh của trời đất. Các loài muông thú rất quý mến và quấn quýt Bà. Vì có công lao to lớn đó nên Thượng đế đã sắc phong cho Bà là Nữ chúa rừng xanh tức "Thượng ngàn chúa tể", và giao cho quản 81 cửa rừng ở cõi Nam Giao. Không chỉ

bảo vệ núi rừng, dạy dỗ muôn thú thể đức hiếu sinh mà Bà còn cứu dân, giúp nước, bảo vệ cõi bờ như đã giúp các triều Lý, Trần đánh giặc. Đặc biệt giúp Lê Lợi trong công cuộc chống giặc Minh giành lại giang sơn gấm vóc. Do đó, nhân dân nhớ ơn đã lập đền thờ ở nhiều nơi. Động này vốn có từ lâu, trong kháng chiến chống Mỹ, cố Hoà thượng Thích Thanh Chân thường lên đây tránh máy bay.

Đầu tháng 9 năm 1991, trong lúc rồi việc Thượng tọa Thích Viên Thành trèo lên khu vực này ngồi nghỉ ngơi thư giãn. Nhìn kỹ xung quanh thấy cảnh sắc u trầm, linh khí phảng phất, lại có thể phong thủy đắc địa. Phía hậu quả bên đây, mình đường thì thoáng đạt thêm vào tiền án trùng trùng có giá gác bút làm cận án. Rồi còn Thủy nghiêm, tháp bút trước mặt. Sau một hồi cân nhắc, dỡ La Kinh căn góc độ mới bàn bạc với các đệ tử rồi quyết định khai phá. Công việc tiến hành thật là vất vả. Bên ngoài thì hàn vát lại động, bên trong thì sửa sang bài trí nội thất. Sau 2 năm công việc mới chu viên. Đến ngày 11 tháng Giêng năm Quý Dậu (1993) làm Lễ khánh thành.

Đến nay, tuy thờ phụng còn đơn sơ nhưng khách thập phương chiêm bái, đều toại ý.



*Lên cao, lên cao mãi
Chân mới tưởng đường xa
Đỉnh cao ngoái nhìn lại
Chùa Tiên vẫn cạnh ta*

(Phạm Hồ)

Khi chiêm bái chùa Thiên Trù xong, quý khách rẽ phải lên núi Thanh Long đến lưng chừng sẽ thấy một cổng Tam quan xinh xắn vút như sắp bay lên. Qua cổng vào sâu phía trong, một tòa lầu đài mỹ lệ nhỏ nhở dựa vào vách núi hiện ra trước mắt. Đó là khu chùa động Tiên Sơn. Động này có từ trước thời Lê - Trịnh, nhưng bị đất đá, cây rừng che lấp. Lúc 15h ngày 28 tháng 2 năm Quý Mão (1903) (*tài liệu của*

ông Dương Tự Giáp) một tiểu phu hương thôn đi hái củi đánh rơi con dao quắm xuống hang, bèn chui xuống để lấy liền phát hiện ra động. Khi đào đất moi đá thấy cửa động lộ ra, trên vách còn in rõ một bài thơ bát cú:

*“Chợt khỏi Thiên Trù thoát rẽ lên
Che che cửa động một đường len
Trở mây quanh quất lồng hương Phật
Gõ đá vang lừng trỗi nhạc tiên
Bảo cái đùn đùn trên bảo tọa
Kim quan chăm chăm trước kim liên
Thanh xa dấu cũ còn ghi để
Quyến được xe loan biết mấy phen”*

Dưới lạc khoản ghi: “Đại nguyên soái tổng quốc sư Trịnh Tĩnh Vương ngự chế”

Sau đó, hội thiện làng Yên Vĩ bèn đứng ra mở chùa, lại được Đại sư Thanh Tích - động chủ Hương Sơn tận tình giúp đỡ. Đến năm Giáp Thìn (1904) đục thêm một cửa vào bên tay phải. Năm Đinh Mùi (1907) tạc ba pho tượng Bồ tát bằng đá ngọc thạch (*tìm thấy trên nóc động*). Năm Kỷ Dậu (1909) đúc tòa tượng Cửu Long bằng đồng. Năm Tân Hợi (1911) tạc thêm hai pho tượng vua Trang Vương và Hoàng hậu bằng đá ngọc thạch. Rồi tiếp tục xây điện Mẫu, nhà tăng. Đến 14h ngày 8 tháng 2 nhuận năm Đinh Hợi (1947) giặc tràn vào đốt phá ngày 20 tháng 6 năm Nhâm Thìn (1952) lại ném bom xóa gần hết dấu tích

nhân tạo của khu chùa. Năm Nhâm Dần (1962), hội thiện này đã cúng khu vực động về Nhà Chùa sát nhập vào danh mục khu di tích để quốc gia quản lý và tôn tạo lại. Từ năm 1994-1996, Ban xây dựng chùa Hương và Tùng lâm Hương - Thiên nói thêm sân động, xây dựng lại Tổ đường, Bảo điện và hai tòa tả hữu vu khiến cho khu Chùa động Tiên Sơn lại khang trang tú lệ như xưa.

Ngày nay khách lên chiêm bái cảnh Tiên Sơn không khỏi bàng hoàng sững sờ trước cảnh đẹp thần tiên nơi đất Phật như Cao Bá Quát thừa nào:

“Tám khúc bên non cảnh hữu tình

Rừng mơ hoa kết quả đầy cành

Giấc tiên mơ tưởng mình tiên thật

Gặp giữa Đào Nguyên ánh mắt xanh”.



ĐỘNG ĐẠI BÌNH

*Nhấc trông lên, ai khéo vẽ hình
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt
Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt
Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây*

(Chu Mạnh Trinh)

Từ cổng Nam Thiên Môn của Thiên Trù, đi về phía tay phải theo đường đá núi gập ghềnh khoảng 700m, du khách sẽ tới một tòa động mới tú lệ khang trang đó là động Đại Bình.



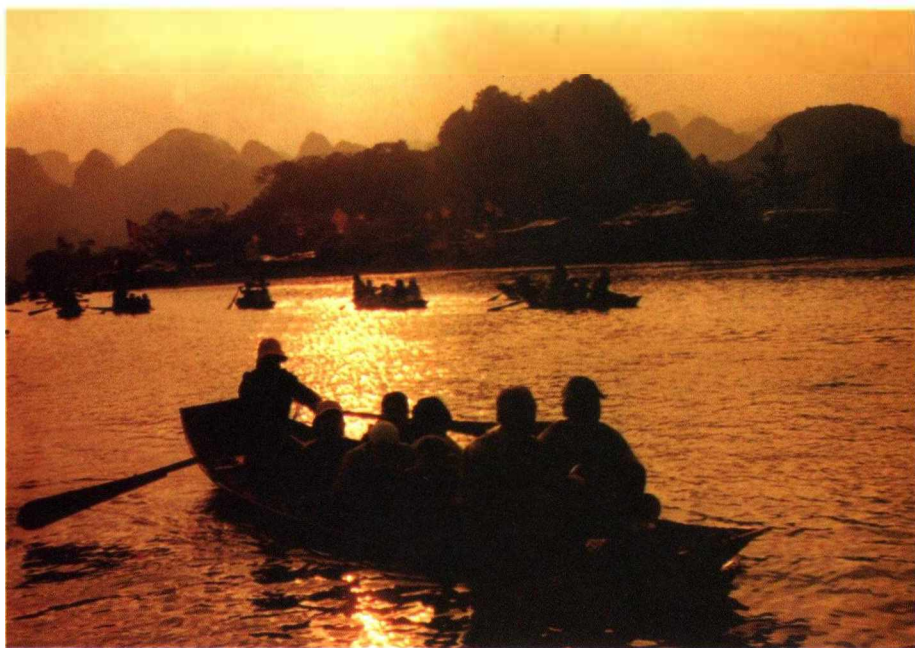
Ấu Hội - chùa Hương.



Đến Đục Khê



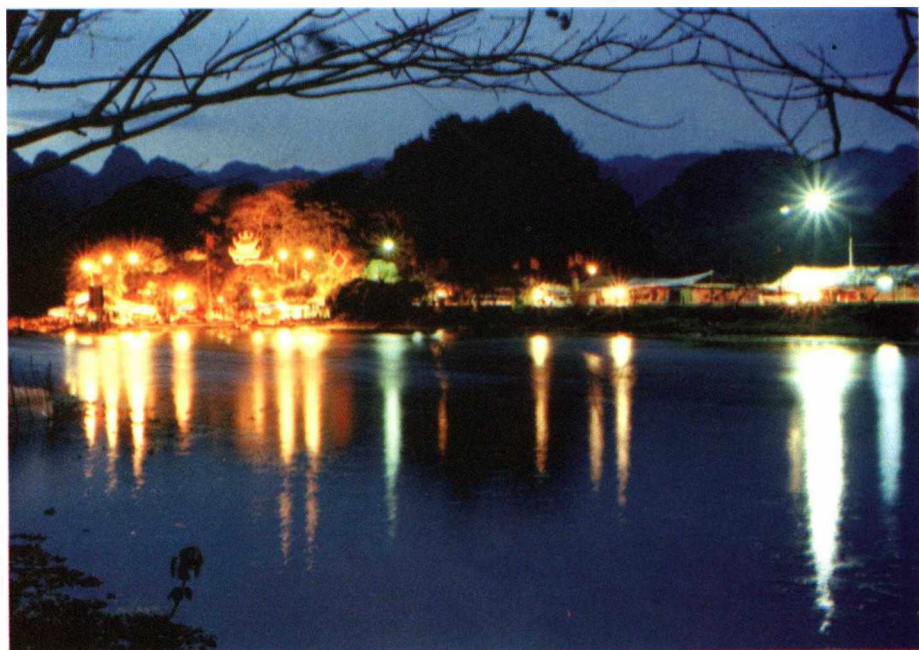
Bến Yên - Chùa Hương



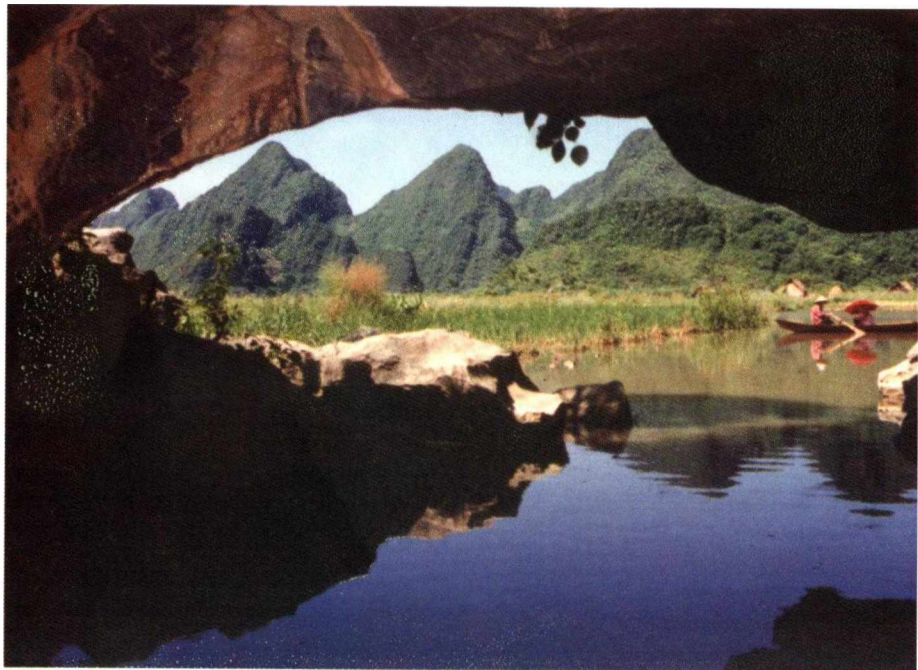
Chiều về trên suối Yên



Đền Trinh - Ngũ Nhạc.



Đền Trinh - Ngũ Nhạc trong đêm hội.



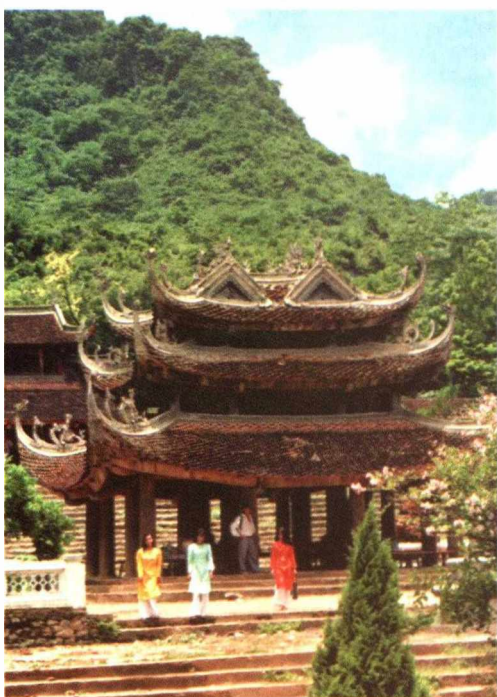
Sơn Thủy Hữu Tình



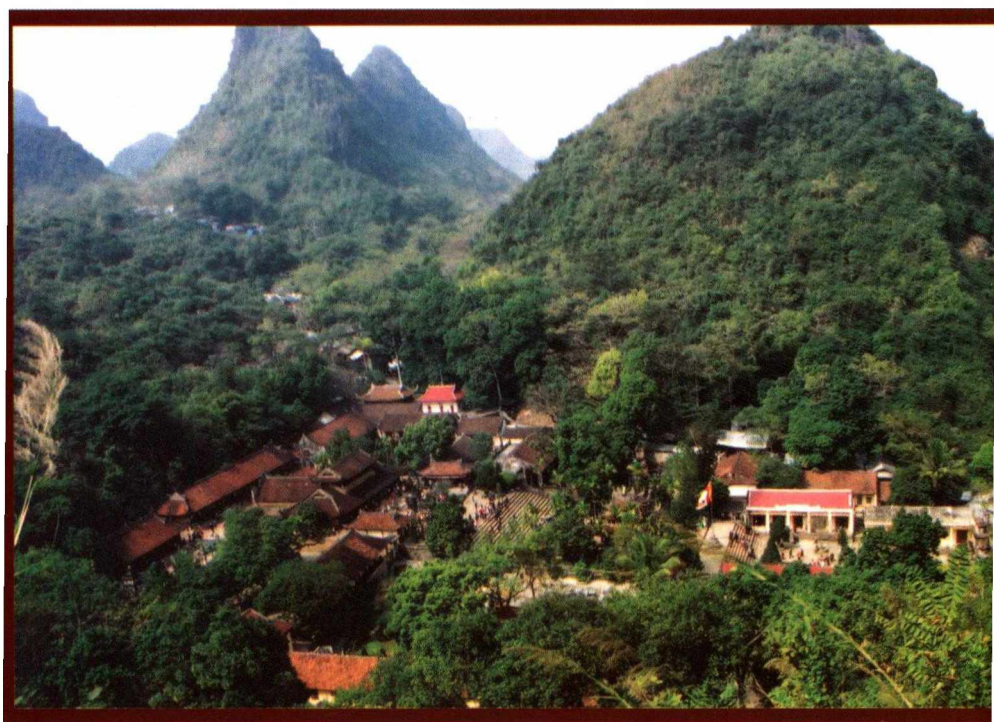
Bến dò Thiên Trù (bến Trò).



Nam Thiên môn - chùa Thiên Trù.



Gác Chuông chùa Thiên Trù



Toàn cảnh chùa Thiên Trù.



Tượng Bà Chúa Ba.

Tam Bảo chùa Thiên Trù.





Toàn cảnh chùa Tiên Sơn.



Động Đại Bình.

Động này vốn có từ lâu. Trong thời Pháp thuộc, một đạo quân người tiểu số cổ thủ ở hang này đã kháng cự với quân Pháp. Sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại, người chỉ huy đạo quân này là tướng quân Đinh Công Tráng bị vây lâu ngày hết lương thực, ông và đạo nghĩa binh đều tuần tiết ở đây. Chính ông đã cho khắc hai chữ “Đại Bình” lên cửa động để ghi dấu.

Ngày 2 tháng 3 năm Tân Mùi (1991), ông Nguyễn Văn Đạo, ông Bùi Văn Xế được sự chỉ đạo của các cơ quan Nhà nước tại khu vực, với sự giúp đỡ của nhà chùa đã (*nổ mìn phá một khối đá lớn ở cửa động*) đứng ra mở động.

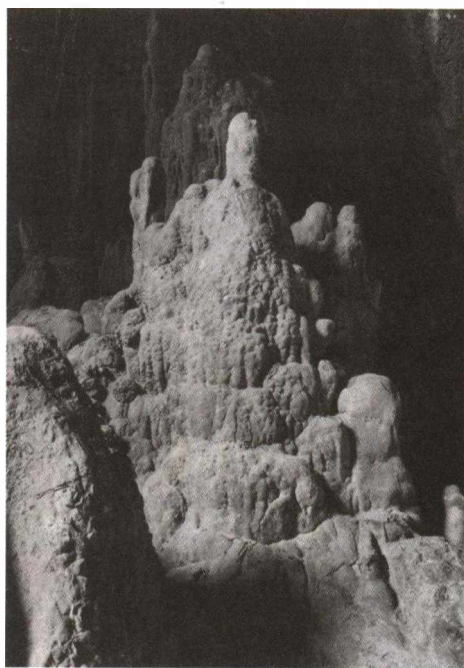
Tượng Phật, tượng Thánh đã được chuyển từ Thiên Trù sang để phục sự. Tượng các Tướng quân Đinh Công Tráng, Đinh Công Vân cũng được ông Nguyễn Văn Đạo đắp để tôn thờ.

Có thơ vịnh tượng rằng:

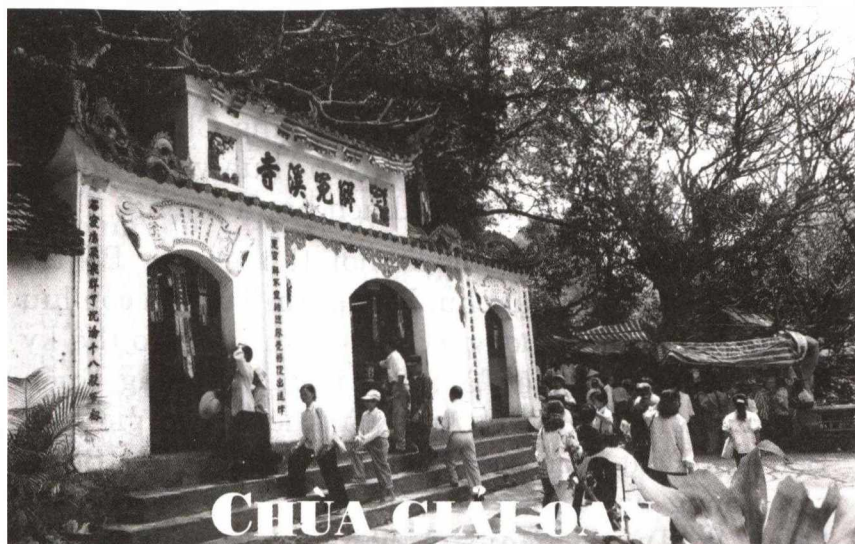
*Hào kiệt đi rồi tượng vẫn đây,
Đinh Công Tráng chỉ mấy người hay
Một thanh gươm vạch trời ngang dọc
Mấy trận bão bùng đất chuyển xoay.
Thành bại xưa nay do phận định
Nợ thù non nước hận tôn đầy
Anh hùng áo vải lưu truyền thống
Ngạt ngào hương thiên tỏa khói bay.*

Đến ngày 6 tháng Giêng năm Quý Dậu (28-1-1993) hai gia đình nói trên đã viết đơn cúng cho nhà chùa với sự xác nhận của các cơ quan Nhà nước.

Ngay sau đó, Điện Thánh Mẫu được xây dựng, sân động được mở rộng, lòng động được lát đá xẻ, đài Địa Tạng được xây dựng. Cho đến hôm nay, động Đại Bình đã được liệt vào sổ vàng danh thắng và ngày càng được tu bổ tôn tạo mở mang cho hoàn chỉnh như các khu vực khác.



Tượng nhũ đá - Động Đại Bình.



*Rẽ núi, ta đi vào cửa Động
Ngoảnh sau, nhìn lại dáng chùa Tiên
Qua suối Giải Oan, Am Phật Tích
Chân ta quen thuộc với đường lên*

(Xuân Diệu)

Rời khỏi Thiên Trù men chân núi Tiên Sơn vào Chùa Trong, quý khách rẽ lên chùa Giải Oan bên tay trái. Chùa này do sư tổ Thông Dụng, húy Thám, pháp danh là Cương Trực đời thứ 2 khai sáng vào triều hậu Lê, đời Thuận Tông năm Ất Mão, niên hiệu Long Đức thứ 4 (1735). Chùa ở lưng chừng núi Long Tuyên, khi mới khởi dựng chỉ là một thảo am nhỏ tre gỗ đơn sơ ẩn trong cây đá khói mây. Đến năm Mậu Thìn (1928) Đại sư Thanh Tích, sư tổ đời thứ 9, tôn

tạo lại theo thể “Ỗ bích sơn” và đề bốn chữ “Giải Oan Khê Tự” trên nóc. Đến năm Đinh Sửu (1937) được trùng tu lại. Năm 1995, Ban xây dựng Chùa Hương tu bổ thêm Am Từ Vân, kê lại sân chùa và xây dựng một số công trình phục vụ khách hành hương.

Chùa Giải Oan cũng là nơi thờ phụng Bồ tát Quán Thế Âm là Phật chủ. Riêng Am Từ Vân còn lưu giữ được một pho tượng Tứ Tỳ Quán Âm vào thế kỷ XVIII. Điều đặc biệt là trong chùa có giếng thiên nhiên Thanh Trì trong suốt và không bao giờ cạn. Bên Am Phật Tích còn có một vết chân Phật Bà in sâu xuống đá. Tương truyền đức Chúa Ba (Bồ tát Quan Âm Diệu Thiện) xưa kia từ chối thánh chỉ của vua cha không lập gia đình nên đã bị mang ra pháp trường, nhưng chưa kịp hành hình thì đã được thần núi Hương Sơn đã hoá hình nốt hổ nhảy vào cứu thoát và công về đặt tại Am Phật Tích. Thế rồi từ đây Ngài dạo chơi địa phủ thăm 18 cửa địa ngục, lúc tỉnh dậy Ngài đã ấn chân xuống đó làm dấu và cũng từ nơi linh sơn phúc địa này, Ngài được đức Thế Tôn hiện thân điểm hoá và chỉ đường vào Hương Tích tu tập. Sau khi tắm nước thiên nhiên Thanh Trì để tẩy sạch bụi trần, Ngài bèn theo Sơn thần dẫn lối đi vào cõi Phật.

Ngoài khu chính điện và Am Từ Vân, hai bên tả hữu toà Tam Bảo còn có Am Phật Tích nơi có vết chân Phật Bà in sâu trên khối đá, có đá rử xuống nước như bức trướng thiên nhiên; có động Tuyết Kinh nơi thờ thần núi Hương Sơn, vị thần đã hoá hổ

cướp pháp trường lại dẫn đường đưa đức Chúa Bà vào Hương Tích. Dưới chân núi Giải Oan còn có 9 khe suối nhỏ, vào mùa mưa nước chảy róc rách tạo thành những âm hưởng của bản nhạc thiên nhiên thanh thoát, như đưa du khách dứt hẳn trần ai, bước tiếp vào nơi Phật tích: “Lưu thủy vô huyền vạn cổ cầm”.

Đứng trên sân chùa nhìn xuống thung lũng, ta thấy hai hàng cây đại cổ thụ hoa nở ngát hương bên đường đá rêu phong uốn khúc, xen vào đó là những tán hoa gạo đỏ rực rõ điểm tô trong màu xanh biếc của núi rừng:

*“Ngắm rừng mai nở khuây niềm tục,
Mượn giếng oan trong tưới lửa phiền”*

Chùa Giải Oan có lối kiến trúc hài hoà như lẫn với cảnh thiên nhiên thanh tao u tịch, sơn thủy hữu tình và dòng nước mát của giếng thiên nhiên Thanh Trì đã phần nào giúp cho quý khách như quên đi những ưu tư của đời thường khi hành hương về cõi Phật. Đúng như 4 câu thơ của Tố Hữu đã than:

*“Ôi! hôm nay bước từng bậc đá
Róc rách còn nghe tiếng Giải Oan
Ước gì đời mãi xanh tươi lá
Thanh thảo Chùa Hương cả thế gian”.*

ĐỀN CỬA VÔNG



*Này suối Giải Oan, này chùa Cửa Vông
Này Am Phật Tích, này động Tuyết Kinh
Nhắc trông lên, ai khéo vẽ hình*

(Chu Mạnh Trinh)

Trên đường vào động Hương Tích, khi bắt đầu bước lên đoạn đầu dốc cao nhất, ta gặp đền Cửa Vông. Đền này còn gọi là đền Trấn Song hay Vân Song. Đền thờ Bà Chúa Thượng ngàn huý là “Sơn tinh triều Mường Công chúa Lê Mại Đại Vương”. Bà có 12 nàng hầu là các mỹ nữ Thổ, Mán. Nên Đền này còn là chỗ ở của các thị nữ để thường xuyên mang tin tức từ chùa Ngoài vào chùa Trong.

Tương truyền ở chỗ này, xưa kia dây rợ chẳng chịt, tạo nên như giá mắc vông. Năm 1908, Đại sứ Thanh Tích kể dâng trụ trì khu vực Hương - Thiên. Nhân đi qua đây, Đại sứ thấy phong thủy vùng này

thật là đắc địa, linh khí tràn đầy. Đằng sau hậu quả vững bền, phía trước dãy núi An Sơn tạo thành thế Rồng chầu mặt nguyệt. Hỡi ra mới biết xưa kia thường khi có cúng tế chúa rừng tại đây.

Đêm ấy, cảm mộng thấy Thanh y Công chúa đến thăm, nhân đó Đại sư bèn cho xây dựng ngôi đền và đúc tượng đồng theo mẫu người trong mộng để cho hương dân thờ phụng và làm cửa ải trấn giữ động Trời Nam.

Năm 1993, Ban xây dựng Chùa Hương đã tu sửa lại Đền, trạm khắc câu đối, sơn xếp lại tượng thành màu xanh. Đến cuối năm 1995 lại mở rộng thêm sân Đền cho rộng rãi để cho khách thập phương lễ bái, nghỉ ngơi được thuận tiện.

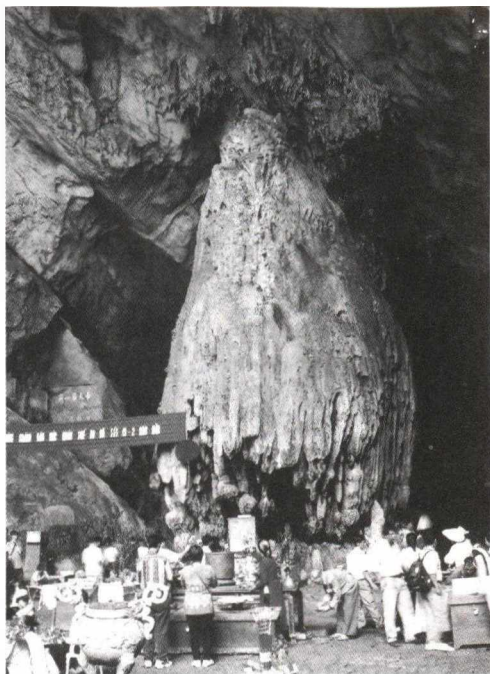
Ngày 19-5-1958, khi đi thăm Chùa Hương, Hồ Chủ tịch cũng đã nằm nghỉ trưa tại Đền Cửa Vồng.

Thám Hoa Vũ Phạm có viết:

“Trèo qua một dịp Trấn Song

Đây mới thực quần phong chi đệ nhất”

ĐỘNG CHÙA HƯƠNG TÍCH



*... Chắp tay niệm Phật Di-đà
Kẻ ngồi, người đứng, kẻ ra, người vào
Non trời biết mấy tầng cao
Đã đi phải đến, đã trèo phải lên...*

(Chu Mạnh Trinh)

Hang động vốn có từ thời vận động tạo sơn, được phát hiện vào thế kỷ XVI và đưa vào thờ Phật năm 1686. Phật thoại truyền rằng: Đức Quán Thế Âm Bồ Tát ứng thân làm công Diệu Thiện, tu hành 9 năm và thành quả đạo ở động này nên đặt tên là Hương Tích (dấu vết thơm tho).

Động Hương Tích xưa kia không ai qua lại, mãi đến khi Hoà thượng Vân Thủy Thiền Thiên Trần Đạo Viên Quang Chân nhân trụ trì chùa Thiên Trù mới tìm ra.

Cổng chùa là một công trình kiến trúc xây dựng bằng những phiến đá mộc mạc được khởi công vào năm Giáp Dần (1914). Đến năm Mậu Ngọ (1918) mới xong. Qua cổng đi xuống 120 bậc đá là vào tới động. Thuyết phong thuỷ cho rằng: Động Hương Tích là con rồng chúa đang há miệng vờn ngọc. Cửa động như hàm rồng khổng lồ, rộng thênh thang, sâu hun hút:

“... Ô! Chùa Trong đây rồi!

Động thăm bóng xanh ngời

Gấm thêu trên thạch nhũ

Ngọc nhuộm hương trầm rơi!...”

(Nguyễn Nhược Pháp)

Ngay cửa động nhìn lên vách trái có bút tích của Tĩnh Vương Trịnh Sâm viết năm Canh Dần (1770): **“Nam thiên đệ nhất động”** (*Động đẹp nhất trời Nam*); đi vào một chút có một đường nhỏ lên gọi là lối lên trời, một khe ăn sâu xuống lòng hang gọi là lối xuống



âm phủ. Hòn thạch nhũ khổng lồ giữa động gọi là đụn Gạo. Những giọt nước từ nhũ đá giống bầu sữa trên trần nhỏ tí tách xuống gọi là “sữa mẹ”. Trong động với vô số những nhũ đá, măng đá, cây đá tạo nên những hình thù kỳ diệu nhưng lại rất gần gũi với những hình dáng, biểu tượng trong cuộc sống thường gặp như: núi Cô, núi Cậu, cây Vàng, cây Bạc, Nong tằm, Né kén, Chuồng lợn, Ao bèo...

“Đụn Gạo” cao như núi

No ẩm trút mời người

Đây “Hòn Cô, Hòn Cậu”

Vọng lời khấn bao đời

(Phạm Hồ)

Toà Tam Bảo chùa động Hương Tích với hệ thống tượng phật như các ngôi chùa truyền thống Việt Nam. Mỗi pho tượng là một tác phẩm điêu khắc nghệ thuật độc đáo bằng chất liệu gỗ quý, sơn son thếp vàng rực rỡ. Đặc biệt ở chính giữa có pho tượng Đức Phật Bà Quán Thế Âm Bồ Tát đặt thờ trong động được tạc bằng đá xanh, đây là công trình điêu khắc nổi tiếng vào năm Quý Sửu (1793).

Nhà thơ Trần Lê Văn viết:

... Tượng đá trong hang mãi chẳng già

Trăm năm rung động nét tài hoa

Mắt người chưa thấy dung nhan Phật

Mà tự tay người, Phật hiện ra

*Hồn thợ thấm sâu nhiều về mặt
Mặt bà, mặt mẹ, mặt quê hương
Thần thông bỗng nhập vào dao khắc
Tạc vẻ từ bi đẹp lạ thường!...*

Động Hương Tích là chùa chính của toàn bộ khu di tích thắng cảnh chùa Hương. Thiên nhiên tạo hoá ra hang động, cùng với bàn tay khéo léo của con người đã tạo nên nơi phát tích của Bồ Tát Quán Thế Âm tu hành thành chính quả, mãi mãi còn lưu dấu thơm với non sông đất Việt:

“Dù cho sông cạn đá mòn

Quan Âm Nam Hải vẫn còn dấu thiêng”.

Động Hương Tích là tiêu biểu cho một vùng thắng cảnh, riêng động Hương Tích thì hầu như không thể không tới vì “*đi Hội chùa Hương mà không vào động Hương Tích thì coi như không đi tới nơi*”.

Hương Tích ơi, tôi sẽ còn đến nữa

Như hoa mơ lại đến với mùa mơ

Nâng cuộc đời đẹp hơn những ước mơ

(Yến Lan)



ĐỘNG HÌNH BỒNG

Theo sách Lịch triều
hiển chương của Phan Huy
Chú, thì xưa kia có một toà
động Hình Bồng tuyệt đẹp ở
phía Nam Hương Tích.

Trịnh Sâm có thơ vịnh: .

*Chân núi đường xuyên một nẻo dài
Hoá công mài chuốt đã bao đời
Non xanh, nhường thấy non không đất
Suối biếc nhìn qua, suối gặp trời
Đá nhuộm rắng chiều - nghìn ngấn điểm
Sóng rung dải nhũ - vụn châu rơi
Chim trời, cá nước vui chung cảnh
Bút ngọn khôn đem tả hết lời.*

(Bản dịch: Quách Vinh)

Nhưng vì có một cuộc sạt lở nào đó ở quả núi này
cho nên động bị đất đá và cây rừng vùi lấp mất.

Đến năm Nhâm Thân (1932), nhân dân thôn Yên Vĩ tìm thấy trên Thong Gạo một toà động cũng khá đẹp nên mới lập hội thiện để mở chùa.

Thỉnh sư cụ Đàm Tuyết quê ở Hải Phòng đến trụ trì khai sơn. Sau đó 8 năm có bà Hải Khoát đến kế đăng và tiếp tục mở mang.

Năm Nhâm Dần (1962), hội thiện này cùng với nhân dân đã cúng về nhà chùa để sát nhập vào danh mục khu thắng cảnh quốc gia duy trì xây dựng.

Hồi 22 giờ 20 phút ngày 28-9-1992, một cuộc địa chấn nhỏ đã làm một khối đá ở nóc động lở xuống lấp mất động này. Thượng toạ Thích Viên Thành cùng Chư tăng trong Chùa có sự tham gia của ông Nguyễn Văn Bao (Minh Bảo) thu dọn và mở lại động, xây thêm Quan Âm Đài, điện thờ Thánh, miếu Sơn thần vv...

Đến nay, tuy chưa phải là động Hình Bồng ghi trong sử sách nhưng khu chùa động này cũng được tu bổ xây dựng thành nơi kang trang tú lệ.

Du khách đứng trên động có thể ngắm được nước non ở trăm dặm xung quanh. Thật là:

*Ngự đỉnh non thiêng tuyết bụi hồng
Phong quang thứ nhất cảnh Hình Bồng
Tiên chơi, Phật giáng lưu thần tích
Vượn hót oanh ca quyện gió thông
Bình hoả còn in nơi động phủ
Lỡ bồi vắn vừng đôi non sông
Một vùng linh khí trong trời đất
Thiện tín muôn phương tới kỷ công.*



CHÙA THANH SƠN - HƯƠNG ĐÀI

Lần khe Yến Vĩ đi vòng

Bốn bề bát ngát xa trông lạ dường

Giữa dòng đáy nước lồng gương

Mượn chèo ngư phủ đưa đường Đào Nguyên

(Chu Mạnh Trinh)

Từ bến Yến vào bến Trò, đoạn giữa suối có một cây cầu bắc ngang qua. Đó là cầu Hội. Nhìn sang bên trái ta thấy một mái chùa nhỏ nhấp nhô bên sườn núi xanh màu cây rừng. Đó là chùa Thanh Sơn.

Trong khu vực này còn có 2 động nhỏ, đó là động Hương Đài và động Tiểu Nhi.

Động Hương Đài nằm bên sườn núi Phụng Dực, hay còn gọi là Hanh Luộn. Động này do sư cụ Đàm Tuyết cùng nhân dân thôn Hội Xá khai sơn vào năm 1936. Động không lớn lắm nhưng lại có nhiều thạch nhũ với nét đẹp hoang sơ.

Lùi ra phía bờ suối là hang Tiểu Nhi, hang này có rất nhiều nhũ đá hình dáng trẻ thơ đang đùa nghịch, thêm đó lại có những cây đàn đá khi gõ vào tạo nên những bản nhạc thiên nhiên. Vào năm 1966, sư cụ Đàm Trâm từ chùa Phúc Lăng, xã Dũng Tiến, Thường Tín về Thiên Trù sơ tán. Cuối năm đó, sư cụ men theo đường suối ghé vào động Tiểu Nhi và dựng lên chùa Thanh Sơn. Lúc đó Hoà thượng Thích Thanh Chân - Động chủ Hương Sơn đã đề 10 chữ “Bính Ngọ niên tỵ khiêu ni Đàm Trâm sáng tạo”.

Trong cảnh sơn thanh thuỷ tú, lần lượt quanh ba đời kế tục trụ trì. Các vị Ni chúng ở đây - nhất là sư thầy Đàm Tịnh với sự ủng hộ của khách thập phương và nhân dân sở tại đã khai mở chùa Thanh Sơn với quy mô rộng rãi. Nâng nền chùa, dựng tượng đài, phỏng chế tự viện, khiến chùa trở nên khang trang sầm uất ngõ hầu đáp ứng lòng ngưỡng vọng của khách thập phương và bà con thiện tín quanh vùng.



CHÙA LONG VÂN

Réo rất suối đưa quanh

Ven bờ, ngọn núi xanh

Dịp cầu xa nhỏ nhỏ

Cảnh đẹp gần như tranh

(Nguyễn Nhược Pháp)

Khách du xuân thấy hội Chùa Hương khi qua đền Ngũ Nhạc, gặp một dòng Yến rẽ đôi, phía phải vào Hương Tích, phía trái rẽ vào Long Vân. Thật là: “Nhất khúc bình diên lưỡng tuyến khai”.

Chùa Long Vân nằm trên sườn núi, một nửa lấp sau núi Ấn Sơn, một nửa lộ ra giữa rừng cây xanh biếc, mây trắng quấn quýt trông như bức hoạ nghìn thu. Thật là:

Chùa xưa ở lẫn trong cây đá

Sư cụ nằm chung với khói mây

Chùa được xây dựng vào năm Canh Thân (1920) và đồng thời trong thời gian này, động Long Vân cũng được khai tạo. Động thần tuy nhỏ nhưng lam khói quanh năm, mây ngàn hạc lộ đượm vẻ thần tiên thoát tục.

Khu vực Long Vân còn có động hoá thân (Thánh hoá), chùa Cây Khế... tạo nên một quần thể thắng cảnh nằm giữa hai khu Hương Tích và Tuyết Sơn. Rõ là:

Long Vân tuy tiểu

Diệu túc kỳ quan.

Hiện nay sư thầy Đàm Bình và Chư ni - Tăng trong thiền viện cùng với nhân dân dưới sự chỉ đạo của ngành Văn hoá và sự giúp đỡ của chính quyền, đang cố gắng duy trì và bảo tồn những di tích cổ đồng thời mở mang bổ sung cho những phần còn thiếu để giữ gìn thắng cảnh, tô thắm non sông góp phần trùng hưng nền văn hoá Phật giáo ở Hương Sơn.



CHÙA BẢO ĐÀI

*Năm trước năm nay lên Bảo Đài
Khắp chùa vẫn đó cỏ hoa tươi
Động ôm hồ tuyết còn đây chủ
Lối sạch rêu xanh bởi có người*

(Nguyễn Cao)

Chùa Bảo Đài giống như một ngôi chùa trong chuyện cổ tích của làng xã Việt Nam “phong quang, u tịch”. Ở đây:

Sáo reo, gió thổi ngàn thông quện

Song vắng, mây buồn bóng nguyệt qua.

Tam bảo chùa, hệ thống tượng Phật phong phú và đẹp, trong đó toà tượng Cửu Long đạt giá trị mỹ thuật cao.



ĐỘNG CHÙA TUYẾT SƠN

*Phương Nam chắt ngất núi bao la
Động tạc sườn non vẻ nuốt nà
Nét tỏ dấu thần vàng chuốt móng
Sương ngưng gốc thụ ngọc in da.*

(Trịnh Sâm)

Động chùa Tuyết còn gọi là động Ngọc Long có những nét độc đáo với ánh sáng mờ huyền ảo, bao nhiêu nhũ đá thướt tha rủ xuống, chập trùng hiện ra giống như ô rồng quần quít, rồi cây vàng, cây bạc... Trong chùa có pho tượng Bồ Tát Quán Thế Âm tạc

liền vào vách đá đầy vẽ từ bi, nhân hậu. Theo tấm bia công đức đề niên hiệu Chính Hoà năm thứ 25 Giáp Thân (1707), chùa Động được mở vào năm Giáp Tuất (1694) do công đức của bà Quận phu nhân Hoàng Ngọc Hương.

Vào vãn cảnh và chiêm bái, du khách không khỏi ngất ngây trước cảnh “*Kỳ sơn tú thủy*” như cảm nhận của Tỉnh Vương Trịnh Sâm đề bài thơ trên vách đá:

Éo le thay bấy cảnh thiên thành!

Có vẽ tân kỳ, có vẽ thanh

Gió quyến cầm thông, thông lợp tán

Mây vờn vách đá, đá in tranh

Non cao Phật hiện phô kim tướng

Động thăm, rỗng quanh lẳng ngọc kinh

Sương tuyết càng nhiều càng tú lệ

Này này chẳng khác chốn bông doanh.

CHÙA HƯƠNG TRẦN

Chùa Hương Trần nằm ở địa phận thôn Hội Xá, xã Hương Sơn nên còn gọi theo tập quán là chùa Hội Xá. Theo tấm văn bia còn lưu giữ được trong nội tự thì vào năm Đinh Mão niên hiệu Chính Hoà thứ 6 thời Lê Huy Tông (1686), Hoà thượng Đạo Viên Quang họ Trần về khai sơn khu Hương - Thiên nhân đi qua đây dừng chân nghỉ lại (*ở gần khu đền Đức hiện nay*). Nhìn sang thấy một thế đất hình chiếc khánh vàng (kim tinh), dòng nước chảy lượn quanh, vượng khí tụ hội nên mới khuyến giáo dân thôn cúng dàng khu đất này. Sau khi được chấp thuận, Tổ bèn thả chén cấm tích trượng (Phù bôi Hương Trần phi tích trượng) dựng thảo am lấy tên là Hương Trần tự để ngày đêm thiền tụng, ứng tiếp khách thập phương. Năm Bính Dần (1687), Tổ vào trùng hưng Thiên Trù. Từ đó khi vào núi thì ẩn trong động đào, tham thiền diện bích, lúc ra thì cao thanh phúng tụng ở Thiên Trù để tuyên dương diệu pháp. Khi hạ sơn thì lập đạo tràng thuyết pháp, gây rung chén nổi ở Hương Trần để phổ quát chúng nhân. Thật là “Hổ Khê tam tiểu”.

Sau khi Tổ viên tịch thì nơi đây lại gián đoạn trụ trì. Đến năm Nhâm Thân niên hiệu Bảo Đại thứ 6 (1932), Đại sư Thanh Tích kế đăng trụ trì khu vực Hương Sơn mới trùng tu tôn tạo và mở rộng quy mô của chùa và cử Hoà thượng Thanh Vinh là pháp tử ra làm đương gia để coi sóc phụng sự. Khi Hoà thượng Thanh Vinh viên tịch, chùa lại bị giặc đốt phá và ném bom. Chư Tăng và hương dân thu dọn ngôi Tổ đường để thờ Phật tạm.

Hoà thượng Thích Thanh Chân - Tổ thứ 10 của Hương Sơn - kiêm nhiệm trụ trì Hương Trản mới cho đệ tử thứ tư là Đại đức Thích Thanh Thìn ra đảm nhiệm chức đương gia. Đại đức Thích Thanh Thìn được sự ủng hộ của Phật tử thập phương, bèn cùng với dân thôn dựng lại Chính điện, sửa sang nhà Tổ, xây thêm nhà khách, phòng Tăng, khiến cho khu Hương Trản lại trở lên kang trang phồn thịnh như hiện nay.

ĐẠI SƯ THANH TÍCH

(1881 - 1964)

TỔ THỨ 9 CHÙA HƯƠNG TÍCH

Đại sư sinh năm Tân Ty (1881) tại thôn Quỳnh Trân, xã Nam Hạ, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Quỳnh Trân là mảnh đất đã hun đúc nhiều bậc cao Tăng xuất chúng như thiền sư Thanh Hữu, Thanh Quyết, thiền sư Như Như (tức Tổ Quạ) đời thứ 45 tông Tào Động vv...

Đại họ Nguyễn hiệu Phả Minh, pháp danh Thanh Tích (sau khi soạn khoa cúng các Pháp tử của Ngài đổi là Trì Tích). Sinh trưởng trong một nhà Nho nghèo, có 4 anh em thì 2 người xuất gia đầu Phật. Ảnh hưởng truyền thống Nho học từ nhỏ, lại thấy cảnh đời “dâu bèo biển bọt” mang trí hướng xuất trần. Năm 13 tuổi Ngài xuất gia y vào thiền sư Thanh Quyết - một bậc long tượng trong thiền môn lúc đó. Năm 18 tuổi Ngài thụ giới Sa-di, không lâu Ngài được thụ giới Tỷ-khiêu vào năm 21 tuổi.

Ngài là một người tinh tiến ham học nhiều kinh sách, từ Nho học, Lão học, cho đến Phật học nữa,

Ngài là người nghiêm trì giới luật, ưa hạnh Lan nhã xứng đáng là bậc pháp khí trong sơn môn. Do vậy, năm Bính Dần niên hiệu Bảo Đại năm thứ nhất (1926), lúc đó Ngài 45 tuổi được tổ Thanh Quyết (tổ thứ 8 Hương Tích) cử làm Giám viện Chùa Hương thay Tổ hướng dẫn Tăng chúng trong Tùng lâm. Năm năm sau tổ Thanh Quyết thấy mình sức yếu, công duyên đã mãn bèn chính thức trao truyền Y bát cho Ngài để thay Tổ trụ trì Chùa Hương. Khi ấy vào năm Nhâm Thân niên hiệu Bảo Đại thứ 6 (1932), Ngài đã 51 tuổi là hàng thứ 7 trong số những đệ tử của tổ Thanh Quyết.

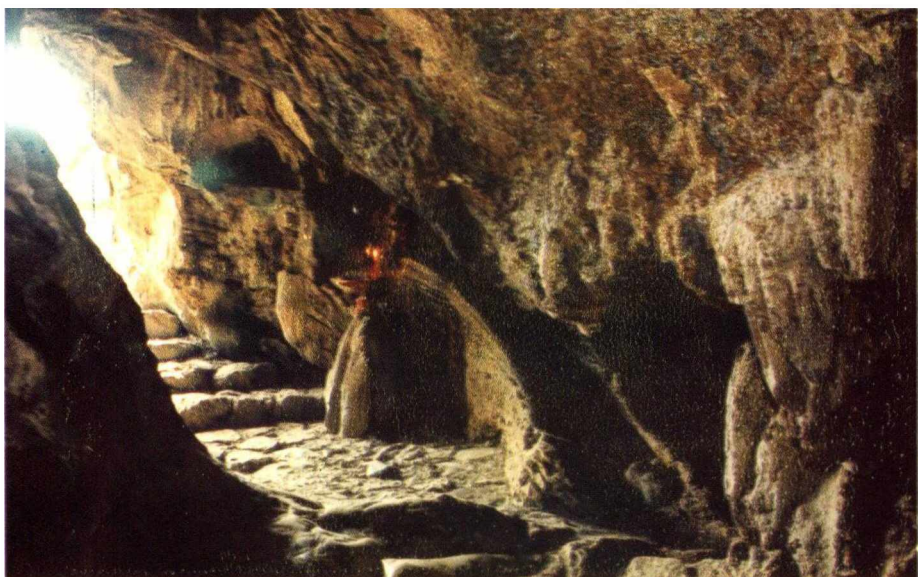
Với chí nguyện độ sinh, giáo hóa Tăng chúng là rạng danh nơi Phật tích. Tổ giáo dưỡng được hơn 100 đệ tử xuất gia đều tinh thông thế học lẫn Phật học như các Hoà thượng: Tổ Liên (Thanh Lai), Thanh Chân (Tổ thứ 10 Chùa Hương), Thanh Uẩn, Thanh Khánh, Thanh Bảo, Thanh Nga, Thanh Vinh, Vô Vi, Thanh Biền, Thanh Châu, Thanh Tạng, Thanh Tùng, Thanh Thụy, Giác Hải vv...

Trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX, Giáo hội thỉnh Ngài làm Kỳ túc Tăng già Bắc Việt (Chứng minh Đạo sự). Tiếp đến năm 1938 khi chùa Quán Sứ được trùng hưng, Tổ lại được Giáo hội Tăng - già thỉnh ra đảm nhiệm thủ quỹ phụ trách hưng công chùa Quán Sứ cùng với các bậc tôn túc trong Tăng - già Bắc Việt.

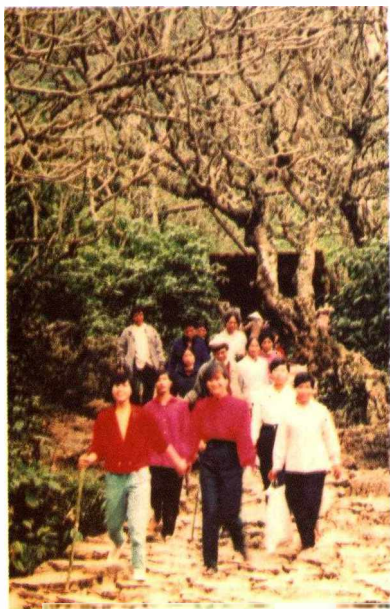
Ngoài trách nhiệm đối với Tăng - già, Tổ còn sửa sang tạo dựng trên 10 ngôi chùa lớn nhỏ ở khắp các



Chùa Giải Oan.



Động Tuyết Kinh chùa Giải Oan.



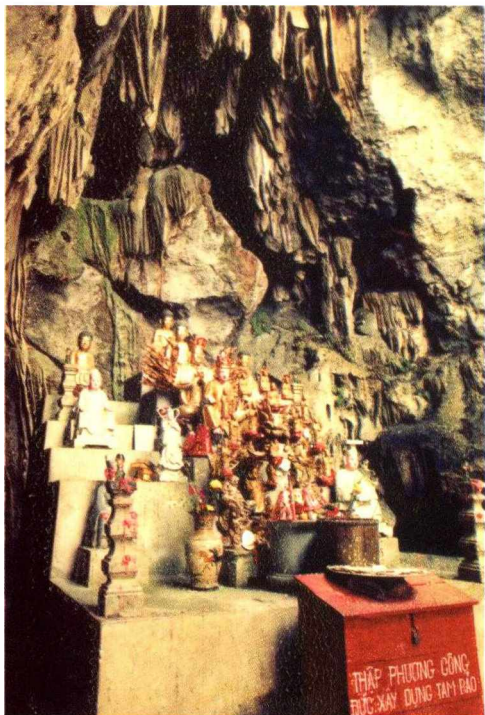
Đường lên động Hương Tích.



Đường xuống động Hương Tích.



Hòn Dụn Gạo - động Hương Tích.



Động Hình Bồng.

Chùa Thanh Sơn.





Chùa Long Vân.



Tam bảo chùa động Cây Khế.

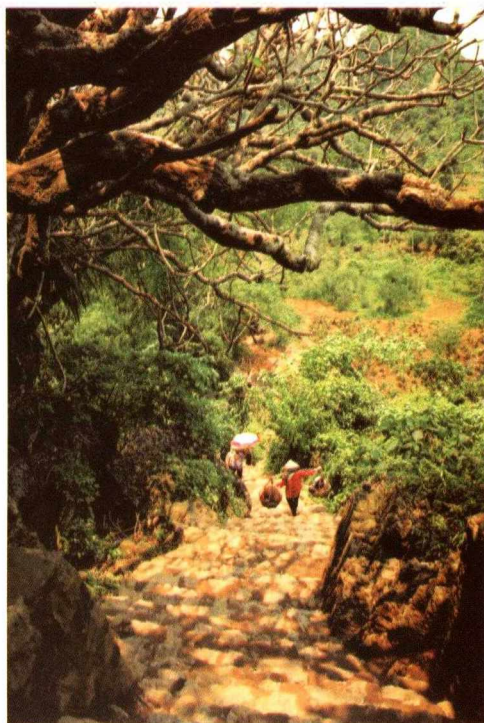


Chùa Bảo Đài.

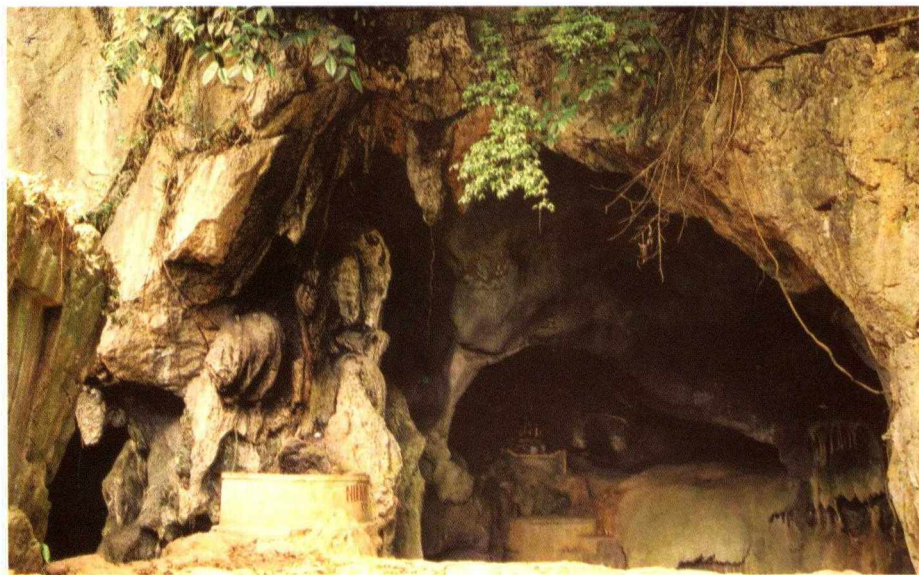
Động chùa Cá.

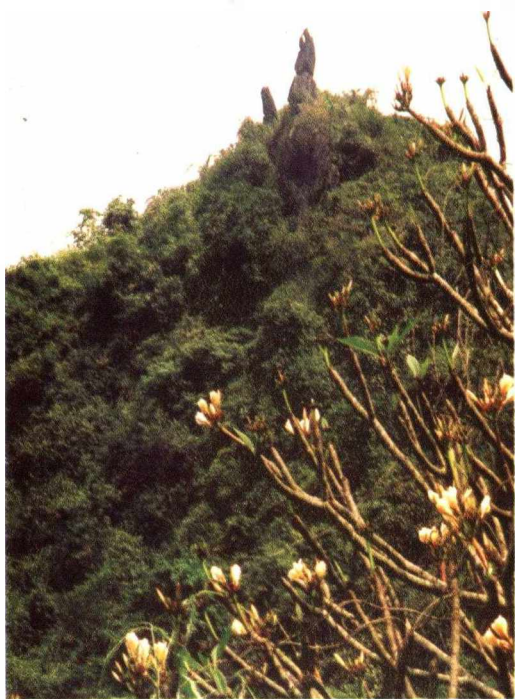


*Đường lên động Ngọc Long -
chùa Tuyết Sơn.*

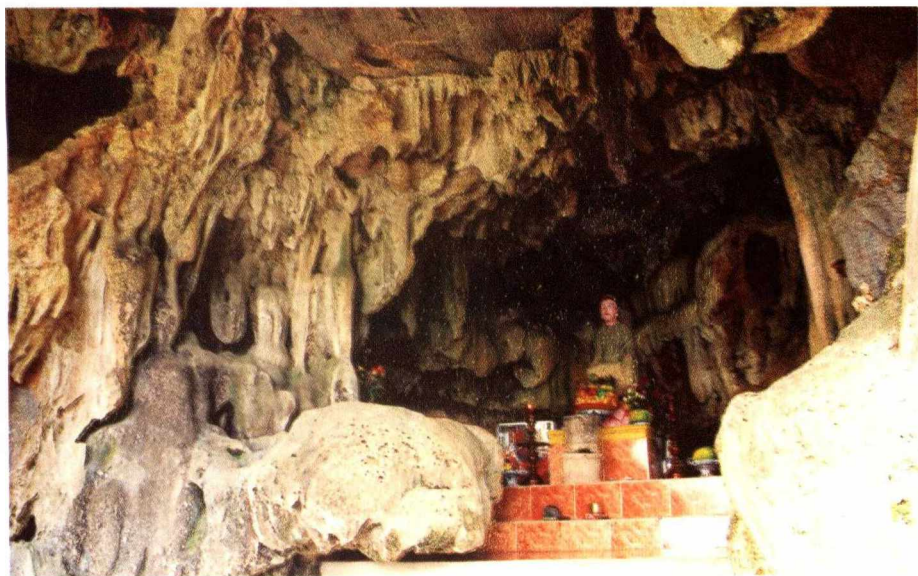


*Động Ngọc Long -
chùa Tuyết Sơn.*





*Đỉnh núi Tuyết có hình tượng
Bà Chúa Ba.*



Động thờ bà Chúa Ba.

địa phương như chùa Hưng Long (Quỳnh Trân, Hà Nam), chùa Hương Trản (Hội Xá, Mỹ Đức, Hà Tây), chùa Quyển Công (Khả Phong, Hà Tây), chùa Nguyễn Đoài (Hà Nam), chùa Châu Lâm (Duy Tiên, Hà Nam) vv...

Song song với việc trùng tu tạo dựng Tổ đình viện tự, Tổ còn cho trùng san, in khắc những bộ kinh luật Đại thừa như: Duy Ma Cật Kinh, Giải Thân Mật, Yết-ma, Chỉ Nam, Di Đà Viên Chung, Pháp Hoa Đề Cương, Phụ Giáo Biên vv...

Năm 1947, khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, “Nạn can qua nào đâu tránh khỏi, lẽ vô thường ai nhẽ tỏ hay”. Tổ tìm người kế đăng sơn môn Hương Tích để truyền trì mạng mạch của Phật tổ. Hoà thượng Thanh Chân chính thức được Tổ chọn là người kế vị thay Tổ trụ trì chùa Thiên Trù - Hương Tích.

Trong những năm tháng còn lại, Tổ lui về chùa Hương Long - thôn Quỳnh Trân mai danh ẩn tích cho đến khi thị tịch vào ngày 21 tháng 12 năm Giáp Thìn (1964), thọ 84 tuổi. Tháp của Tổ hiện nay còn lưu lại ở chùa Hưng Long, thôn Quỳnh Trân, Nam Hạ, Duy Tiên, Hà Nam.

Sự nghiệp của Tổ mãi mãi được lưu truyền nơi địa linh nhân kiệt:

“Diễn hình do tại ư tổ tràng

Công nghiệp lưu truyền ư Phật tích”

HOÀ THƯỢNG THÍCH THANH CHÂN ĐỘNG CHỦ HƯƠNG SƠN TỔ THỨ 10

Hoà thượng thế danh là Nguyễn Thanh Chân, pháp danh là Chân Như hiệu Nhẫn Nhục thiền sư, sinh giờ Thìn ngày 6 tháng Chín năm Ất Tỵ (tức 4-10-1905) tại thôn Quỳnh Trân, xã Nam Cầu Hạ (nay là xã Nam Hạ), huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Sinh ra trong một gia đình Nho học có truyền thống nên Ngài đã được giáo huấn nghiêm túc ngay từ khi còn nhỏ, nhất là được anh trưởng trực tiếp dìu dắt về Hán học.

Năm 15 tuổi, Ngài phát tâm xuất gia tu hành, quy y với Đại sư Thích Tam Thích, giám tự Hương Sơn lúc đó. Năm 17 tuổi sau khi thụ giới Sa-di, Ngài bắt đầu đi du học, thời kỳ đầu học Nho ở cụ Tú làng Bát Tràng rồi cụ Cũ làng Đồng Bào... sau đó học Phật tại Thiên viện Phúc Khánh (Bằng Sở), dưới sự chỉ dạy của Đại sư Phan Trung Thứ (Thanh Cát). Sau khi thụ giới Tỷ-khiêu năm 21 tuổi, Ngài tiếp tục học Phật và nhận chức dương gia tại chùa Hưng Long, thôn Quỳnh Trân quê nhà.

Năm 30 tuổi, Ngài trở về Hương Tích tinh nghiên giáo lý. Sau lễ cử chọn người kế nhận, Ngài được cử làm Giám viện. Khi giặc Pháp phá chùa Thiên Trù (1947, 1948, 1950) các sư tản cư, Ngài ở lại một mình trông nom, tu sửa gắn bó với cảnh chùa, với nhân dân. Năm 1956, chính thức được cử làm trụ trì thống cảnh Hương Sơn cho đến khi viên tịch.

Ngoài việc tu hành, Hoà thượng còn là một công dân yêu nước nồng nàn, một thành viên tích cực của Giáo hội. Hoà thượng tham gia Mặt trận Việt Minh các cấp liên tục từ sau Cách mạng Tháng Tám (1945), là ủy viên thường trực mặt trận Liên khu Ba suốt thời gian kháng chiến. Sau hòa bình lập lại, Hoà thượng liên tục giữ chức Phó Chủ tịch UBMTTQ tỉnh Hà Đông, Hà Tây và tham gia Hội đồng Nhân dân tỉnh 6 khóa liên tục. Về hoạt động Giáo hội, ngay từ sau Cách mạng Tháng Tám, Hoà thượng là một trong số những vị sáng lập Hội Phật giáo cứu quốc với cương vị ủy viên thường trực và chủ bút báo Diệu Âm, tiếng nói của Phật giáo yêu nước thời đó.

Sau ngày hòa bình, Hoà thượng đã tích cực vận động thành lập một tổ chức Phật giáo thống nhất và là một trong số những người sáng lập. Năm 1956, Hoà thượng cùng đoàn đại biểu Phật giáo đến gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh xin phép thành lập Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam. Năm 1958, Hội ra đời. Hoà thượng tham gia Ban trị sự Trung ương và Ban Chứng minh đạo sư, trực tiếp làm Chi hội trưởng tỉnh Hà Đông, Hà Sơn Bình, Hà Tây.

Năm 1975, hai miền Nam - Bắc thống nhất, trước sự đòi hỏi thống nhất của các tổ chức hệ phái Phật giáo, Hoà thượng tham gia ban vận động và là một trong những người có nhiều đóng góp tích cực để Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời. Tại Đại hội đầu tiên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày 7 tháng 11 năm 1981, Hoà thượng được bầu làm Phó Chủ tịch Hội đồng trị sự Trung ương và tham gia Hội đồng Chứng minh, giữ chức vụ này cho đến khi viên tịch.

Năm 1988, khi bệnh cũ phát lại, Hoà thượng được đưa ra điều trị tại bệnh viện Hữu nghị Việt-Xô, với sự tận tình cứu chữa của các giáo sư, bác sĩ, với sự chăm sóc chu đáo của các đệ tử và phật tử, nhưng vì tuổi cao sức yếu, bệnh quá nặng, Hoà thượng đã thu thân thị tịch vào hồi 9 giờ 45 phút, ngày 12 tháng Giêng năm Kỷ Tỵ (tức ngày 17-2-1989), hưởng thọ 85 tuổi.

Trong suốt cuộc đời tu hành và tham gia các tổ chức Giáo hội, xã hội, Hoà thượng luôn luôn tỏ ra là một người mẫu mực, tiêu chuẩn, có ý thức trách nhiệm cao để hoàn thành mọi nhiệm vụ của Đạo và đời, do đó Hoà thượng đã có tín nhiệm rộng rãi đối với Đảng, Nhà nước, chính quyền, với Giáo hội, Tăng ni, phật tử và nhân dân địa phương.

TRÍCH THƠ CHÙA HƯƠNG

CHÙA HƯƠNG

Bày đặt kia ai khéo khéo phò
Nút ra một lỗ hỏm hỏm hòm
Người quen cõi Phật chen chân xọc
Kẻ lạ bầu Tiên mới mất dòm
Giọt nước hữu tình rơi thánh thót
Con thuyền vô trạo cúi lom khom
Lâm tuyến quyến cả phồn hoa lại
Rộ khéo trời già đến đở dòm!

Hồ Xuân Hương

CHẠNH HƯƠNG SƠN

Đệ nhất Nam thiên ấy cảnh này
Thuyền nan đón khách mái chèo lay
Hai bên quả núi lồng gương suối
Bốn mặt hoa ngàn rủ bóng cây
Của Phật lơ thơ tảng đá giải
Chùa Tiên bát ngát khói hương bay
“Nam vô”, tiếng dạy thua trần tục
Non nước Bồng Lai mới thấy đây!

Bà Huyện Thanh Quan

CHỢ TRỜI HƯƠNG TRÒI

Ai đi Hương Tích chợ Trời đi
Chợ họp quanh năm cả bốn thì
Đổi chác người tiên cùng khách bụi
Buôn bán gió chị lại trăng đi
Yến oanh chào khách nhả mây toả
Hoa quả bày hàng điểm cỏ che
Giá áo, lợn, tằm, tiền, gạo đủ
Bán mua mặc ý muốn chi chi...

Nguyễn Khuyến

RAU SẮNG CHÙA HƯƠNG

Muốn ăn rau sắng Chùa Hương
Tiền đồ ngại tốn, con đường ngại xa
Minh đi, ta ở lại nhà
Cái dưa thì khủ, cái cà thì thâm

Nhân bốn câu thơ trên đây đăng trên báo ít lâu, khoảng tháng 3 năm 1922, thi sĩ Tản Đà nhận được một gói quà gửi qua nhà từ Phủ Lý lên. Mở gói quà ra thấy toàn rau sắng và kèm theo một phong thư chỉ có bốn câu thơ dưới đề “Đỗ tang nữ bá tằng”:

Kính dâng rau sắng Chùa Hương
Tiền đồ đỡ tốn, con đường đỡ xa
Không đi thì gửi lại nhà
Thay cho dưa khủ cùng là cà thâm

Thi sĩ Tản Đà cảm tạ lại Đỗ tang nữ bằng mấy câu thơ trong “Truyện thế gian”:

Mấy lời cảm tạ tri âm
Đồng bang là nghĩa, đồng tâm là tình
Đường xa rau vẫn còn xanh
Tắm lòng thơm thảo, bát canh ngọt ngào
Yêu nhau xa cách càng yêu
Dẫu rằng sương nhạt, càng nhiều chúa chan
Nước non khuất nẻo ngư nhân
Tại lòng, xin mượn “Thế gian” đưa tình.

Tản Đà

CHƠI HÁI MƠ⁽¹⁾

*Thơ thần đường chiều một khách thơ
Say nhìn xa rặng núi xanh lơ
Khí trời lặng lẽ và trong trẻo
Thấp thoáng rừng mơ cô gái mơ*

** **

*Hỡi cô con gái hái mơ già!
Cô chưa về ư? Đường thì xa
Mà ánh trời hôm dần một tắt
Hay cô ở lại cùng ta về?*

** **

*Nhà ta ở dưới gốc cây đương
Cách Động Hương Sơn nửa dặm đường
Có suối nước trong tuôn róc rách
Có hoa bên suối ngát đưa hương...*

** **

*Cô hái mơ ơi!
Chẳng trả lời nhau lấy một lời
Cứ lặng rồi đi rồi khuất bóng
Rừng mơ hiu hắt lá mơ rơi*

Nguyễn Bính (1939)

(1) Đã in trong tập "Lỡ bước sang ngang", xuất bản năm 1940 tại Hà Nội.

TRÊN ĐỒ SƯỜI

Hôm nay lại thấy Chùa Hương
Lên đến đèo Sườn màn sương còn đầy
Thuyền mơ năm trước đâu đây
Nhớ cô yếm thắm hây hây má hồng
Tiêu phu chân núi lưng còng
Xo ro ngư phủ giữa dòng buông câu
Mây luôn đầy nước qua cầu
Thuyền đi tưởng núi quay đầu trông theo
Tuyệt vời bức họa ai treo
Đưa hồn du tử bay theo gió ngàn
Hằng Phương (1942)

CHÙA HƯƠNG

(Trích)

Chùa Hương, trời điểm lại trời tô
Một bức tranh tình trải mấy thu
Xuân lại xuân đi không dấu vết
Ai về ai nhớ vẫn thơm tho...

Tản Đà

TẶNG CẢNH CHÙA HƯƠNG

*Muôn lần cảm tạ Mẹ Giang Sơn
Đặt núi lam trên nước biếc đồn,
Tạc đá muôn hình trong cửa động
Cho ta kiêu diễm đến Hương Sơn.*

** **

*Trong làn nước nhẹ mọc rong xanh
Như gấm mơ hồ dưới thủy tinh,
Chèo khoa, chèo lên, chèo lại khoa,
Thuyền đi trên vạn sắc màu xinh.*

** **

*Núi con Voi phục, núi Mâm xôi,
Núi ở xa xa, núi cạnh người,
Từng dặm du dương non dỗi nước,
Cảm như đàn nhạc hát không thôi.*

** **

*Nước dẫn ta đi với sắc trời
Đến bờ, vừa đỗ chiếc thuyền thoi
Cỏ cây yên tĩnh và trong sạch
Đã đợi ngàn năm bạn với người*

Đường đi uốn éo nhịp quanh co
Hoa nắng qua cành điểm nhạt thưa
Bạc đá rêu in chen cỏ biếc,
Hàng cây đại cũ toả hương chùa

*

* *

Núi bắc đầu rau mấy vạn niên
Mà màn biếc thăm đẹp thiên nhiên?
Thiên Trù một khoảng êm phơi phơi,
Núi ngấm nhau xanh một sắc hiên.

*

* *

Rẽ núi, ta đi vào cửa Động,
Ngoảnh sau, nhìn lại đấng chùa tiên,
Qua Suối Giải Oan, Am Phật Tích,
Chân ta quen thuộc với đường lên.

*

* *

Duy mãi chùa quen với tuyết mai,
Hoa mai như tuyết, nhẹ như hơi,
Rừng mơ Hưng Tích ba lần gặp
Từ tuổi thanh niên đến giữa đời.

Mà vẫn bàng hoàng như giữa mộng,
Mơ hay là thực, hơi hoa mơ?
Mơ trong thung lũng, mơ trên núi,
Hoa Bạch trong ngàn vạn điểm thơ.

*

* *

Chưa kể ly kỳ muôn dáng đá
Tạc, tô không xiết giữa Chùa Hương,
Không tiên, ta rất mê phong cảnh
Như một làn thơ đẹp nhụy nhành

*

* *

Ôi Núi Hương Sơn chim lạnh tiếng
Ôi thuyền Bến Đục lướt dòng thanh,
Đã ngàn năm trước, muôn năm nữa
Kiêu hãnh Non Sông đẹp với tình.

Xuân Diệu (20-1-1983)

CHùa HƯƠNG

Bài thứ nhất

Sương khói Chùa Hương nửa tỉnh mê
Nửa con đường đá, nửa đồng khe
Nửa rừng mơ, nửa Tiên và Phật
Ngát một trời hương lối trở về...

Bài thứ hai

Đi từ Bến Dục lên Hương Tích
Lốp lốp hình khe thie núi dần
Đỉnh Trống, hòn Chiêng; đường đạo lý
Buồng Tầm, đụn Gạo; sức dân gian,
Cây Vàng, cây Bạc sao thành quả
Mà Câu mà Cô muốn giải Oan?
Lên tới Cửa Trời nhìn thấu suốt:
Con Người cao vút chũ giang san.

Khương Hữu Dụng

VỀ GẶP XUÂN SƠN

Cho tôi là một nhánh mai nhỏ
Mỗi mùa Đông trắng rừng hoa nở
Mỗi mùa Xuân quả nặng gọi chim về
Mỗi hội mùa đón khách trăm quê

*

* *

Núi tiếp núi - cây cây trùng điệp
Như cánh tay của đất trời mới mọc
Lòng đến đây lòng những băng khuâng
Hàng động nghìn năm đáng vẫn thanh tân

*

* *

Bến Yến Vĩ lướt thoi thuyền tam bản
Cho tôi đi vào xứ của thiên nhiên
Tay cô gái dong chèo trên Suối Dục
Đây bến trần hay đã đến non tiên?
Không bến trần thôi! Màu áo nâu non
Nón trắng nghiêng che loáng nửa vai tròn

Lay gọi tôi... - Đây là Đất Nước
Mỗi nhịp chèo đi xao xuyến tâm hồn.
Suối xưa ơi! Hết oan rồi em ạ!
Róc rách tiếng cười - khe đá đáp lời tôi

*

* *

Con chim kêu không sầu bi tiếng mõ
Đàn tấu lên rồi! Nhanh nhịp với chim ơi!

*

* *

Hương Sơn! Hương Sơn - Mấy nghìn bậc đá
Dùng dằng bước chân “Đụn Bạc”, “Đụn Vàng”
Hoa gạo chói chang sáo về riu rít
Tiếng chim ròn hay chính tiếng quê hương

*

* *

Ngừng đầu lên vòm nhũ lạnh lạnh
“Đường lên trời” ước ao xưa táo bạo
Tôi đang đứng giữa cuộc đời yêu dấu
Vượt ngàn lần khát vọng của cha ông...

Bằng Sơn (1962)

ĐÁ XÀM TRONG PHẬT

Chẳng biết từ ngày Phật hoá thân
Rừng cây thay lá đã bao lần
Lòng yêu Non Nước không thay đổi
Chân nối bàn chân, xuân nối xuân

*

* *

Như một bài thơ, quyển truyện hay
Mỗi lần đọc lại, một lần say
Suối khe, mây núi bao giờ cũ
Hang động xưa lồng bóng nguyệt nay

*

* *

Tượng đá trong hang mãi chẳng già
Trăm năm rung động nét tài hoa
Mắt người chưa thấy dung nhan Phật
Mà tự tay người, Phật hiện ra

*

* *

Hồn thơ thấm sâu nhiều vẻ mặt
Mặt bà, mặt mẹ, mặt quê hương
Thần thông bỗng nhập cào đao khỉ
Tạo vẻ từ bi đẹp lạ thường!

*
* *

Tạc giống lời văn truyền “Chúa Bà”:

“Cổ cao ba ngàn, miệng trăm hoa”

Giống bà, giống mẹ xưa đau khổ

Giữ đoá cười tươi khi xoá nhòa

*
* *

Mũ Phật không che kín tóc dài

Dấu lòng Công chúa thoát trần ai

Cà sa, nếp áo trang nghiêm ấy

Thấp thoáng còn lay ngọn gió Đời

*
* *

Tựa gốc cây già như đá núi

Phật buông chân xuống chạm đầm sen

Lá sen mềm toả, bóng sen nở

Phảng phất đưa hương mùa hạ quen

*
* *

Phật nghĩ gì hay đang lắng tai

Nghe chim gõ nhịp tháng năm dài

Nghe tuôn thánh thót tâm tình Núi

Nghe nẩy dài Mơ đón hội vui

*
* *

*Người trước theo nhau đến kiến nguyên
Kẻ cùng Bồ Tát nổi niềm riêng
Trông vời ảo ảnh quanh hương khói
Ai có tìm ra một phép thiêng?*

*
* *

*Hội mới Chùa Hương, ta lại đến
Bài thơ Trời Đất, đọc khôn cùng
Đá xanh tượng Phật thêm vấn điệu
Với dãy non cao, dòng suối trong...*

Vào Thu Giáp Dần 1974

Trần Lê Văn

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

* Chùa Hương (thơ) - nhiều tác giả - NXB Văn hoá-Thông tin - 1994.

* Chùa Hương ngày nay - Cố Hoà thượng Thích Viên Thành, NXB Khoa học xã hội - 1996.

* Kỷ niệm chùa Hương - cố Hoà thượng Thích Viên Thành, NXB Văn hoá - Thông tin - 2002.

* Thung mớ Hương Tích - Trần Lê Văn - NXB Thanh niên - 2003.

* Hướng dẫn Du lịch chùa Hương - Sở Du lịch Hà Nội - NXB Văn hoá - Thông tin - 2007.

MỤC LỤC

	trang
Lời giới thiệu	3
Lễ hội chùa Hương	4
Sơ lược về khu di tích Hương - Thiên	6
Du thuyền theo dòng suối Yến	15
Đền Đục Khê	18
Sơn Thủy Lâu Đài	19
Cầu Hội	22
Chùa Thiên Trù	23
Động Vân Thủy	27
Động chùa Tiên Sơn	29
Động Đại Bình	32
Chùa Giải Oan	35
Đền Cửa Vồng	38
Động chùa Hương Tích	40
Động Hình Bồng	44
Chùa Thanh Sơn - Hương Đài	46
Chùa Long Vân	48
Chùa Bảo Đài	50
Động Chùa Tuyết Sơn	51
Chùa Hương Trản	53
Đại sư Thanh Tích (1881-1964), Tổ thứ 9 chùa Hương Tích.	55
Hoà thượng Thích Thanh Chân động chủ Hương Sơn, tổ thứ 10.	58
Trích thơ chùa Hương.	61

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG - TIN

43 - LÒ ĐÚC - HÀ NỘI

DI TÍCH LỊCH SỬ CHÙA HƯƠNG

(Thành Nhân)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Lê Tiến Dũng

Chịu trách nhiệm bản thảo:

Vũ Thanh Việt

Biên tập: **Hữu Nguyên**

Bìa: **Ngô Thành Nhân**

Trình bày: **Tuấn Hưng**

Ảnh: **Hữu Nền**

In 2.000 cuốn, khuôn khổ 14.5x20.5cm. In tại Công ty Cổ phần HD Hoàng Dương. Giấy phép số: 171-2010/CXB/39/07-01/VH TT, cấp ngày 28 tháng 12 năm 2010. In xong nộp lưu chiểu Quý I năm 2011.



Bến Đục - chùa Hương



Cáp treo chùa Hương

Giá: 22.000đ

